

TRI TÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Một áng thơ được Phan-thanh-Giản
trân-trọng Cô Mộng-Tuyệt
Nghiên-cứu và bình-luận về thể thơ tự-do
Lê-Thanh
Đặng-đức-Siêu Bùi-văn-Lăng
Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris (I) Yên-sơn-Tử
Tại sao lại gọi là núi Cai-kinh Nhật-Nham
Cây chaulmoogra không có ở
Đông-dương Liên-Giang
Nguyễn-văn-Chấn Nguyễn-Triệu
Chiến-công một viên quân bị mai-một
ngót chục năm trường ! Tiên-Đàm
Chết vì miếng xương (góp vui) Sơn-Mai
Cần phải truyền-bá khoa học bằng
sách quốc văn Hoa-Băng
Hắc-Hải Nhật-Nham

và nhiều bài khác nữa

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5\$50—6 tháng 2\$80—3 tháng 1\$50

Các công sở : giá gấp đôi — Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Cần phải truyền bá khoa học bằng sách quốc văn

Công-việc ấy chúng tôi trông ở những nhà chuyên-môn trong các nhánh khoa-học

HOA-BẮNG

SAU khi bài «*Nên gây ngay lại khuynh - hướng và hiểu-thượng trong học-giới v êt-nam: trọng khoa-học*» (T. T số 13 trang 2, 3) ra mắt các bạn đọc thân-yêu, tôi thấy nhiều bạn tỏ ý tán thành và cho là hợp thời lắm. Ai cũng nhận rằng xưa nay người mình đã quá thờ-ơ với khoa học, quá chậm-trễ về khoa-học, nên ngày nay mới phải ăn cái ác quả của sự thiên trọng hư văn! Nhưng «*muộn còn hơn không*», ngay từ bây giờ, ta còn có thể hồi đầu tỉnh-ngộ, đem thực-học mà bổ cứu cho thời-tệ ấy.

Phải, trước giờ, từ khuynh-hướng đến hiểu-thượng, người mình thật đã nghiêng hẳn về mặt hư văn, chứ không biết chú-trọng đến thực học!

Ngó qua tủ kính các hàng sách, chỉ thấy nhan-nhãn những tiên-thuyết ngôn tình, những thơ mộng, những từ - chương phù-phiếm... Còn các sách có tính cách khoa-học, ngoài một số ít thuộc loại sơ-đẳng ra, nào đâu đã có những sách cao-cấp khoa-học?

Nông-giới thiếu khoa học, nên người ta chỉ có cách cúng hoàng-trùng khi bị sâu keo cắn lúa, rước đảo vũ khi gặp đại-hạn tiêu-khô!

Công-giới thiếu khoa-học, nên kỹ-nghệ không tự cấp cho xứ-sở được: từ cái hàn chải răng cho đến hộp thuốc đánh răng, không một thứ lặt-vặt gì là không trông

ở ngoại-hóa. Nhất là từ khi tiếng bom ầm nổ ở Âu-châu, ngoại-hóa vừa khan, vừa khó vào, xứ này lại càng tỏ ra kém-cỏi về khoa-học, bất lực về kỹ-nghệ quá lắm.

Gia đình thiếu khoa-học, nên bịnh truyền-nhiễm rất dễ hoành-hành, độc gieo nọc giắc từ người nọ qua người kia, giết hại biết bao nhân-mạng, gây một hiểm-tượng cho giống nòi!

Học-giới thiếu khoa-học, nên sử-ký đầy những câu chuyện mê-tín hoang-đường, bứt-chiến hay vượt ra ngoài luận-điểm, viển-dãu bằng những lý-cơ hàm-hồ không đúng-chắc!

Nói tóm, chỉ vì người mình chưa khoa-học-hóa!

Từ ngày nho-học thoái vị, tây-học lên đóng vai chính, chương-trình nhà trường tuy cũng co dạy các môn khoa-học, nhưng từ bậc cao tiến trở lên, phổ-thông cũng như chuyên-khoa, các học-sinh đều phải học khoa-học bằng chữ pháp.

Học khoa-học bằng tiếng ngoại-quốc, lẽ tất nhiên, ngoài bài học ra, lại còn phải nạp nhớ chữ, nhớ tiếng nữa.

Vả ở xứ ta, hạng người có cái may-mắn được mài đũa quần trên ghế nhà trường lại chiếm cái số rất ít. Mà trong số ấy, sau khi tốt-nghiệp mấy ai đã đem cái sở-học về khoa-học mà giới-thiệu, mà truyền-bá cho đồng bào? Vì vậy, những người xung quanh họ — hạng người không được

hạnh-phúc hưởng thụ giáo-dục như họ — vẫn phải giam-hãm trong vòng tối-tăm, không biết khoa-học là gì cả!

Một xã-hội nào, đại đa số còn chưa được hưởng -thụ giáo-dục phổ-thông, không biết khoa-học thường-thức, thì xã-hội ấy chưa thể gọi là tấn-tới được.

• Một xã-hội nào, hạng tiên-tri, tiên - giác không chịu «*giác*» những người chưa biết, chưa hay, thì xã-hội ấy hãy còn có hạng người «*trốn nợ*» xã-hội.

Sao lại nói thế? Vì ai đã được phú-bẩm nhiều tài năng, thì phải nên đem cái «*vốn*» ấy mà «*sinh lợi*» ra, làm phúc cho những người lân cận, chứ nếu giấu tài, «*chôn chữ*» như mấy ông trọc-phú chôn của, không chịu «*giác tha*, «*độ tha*», thì thật đắc tội với đồng bào lắm.

Vả, theo lẽ công-bằng trong xã-hội, hễ ai đã mắc nợ xã-hội nhiều thì nấy phải trả nợ xã-hội lắm. Được học trường công, được hưởng học-bổng, ấy là mắc nợ xã-hội đấy. Sau khi thành-tài, người mắc nợ ấy cần phải sòng-phẳng trả nợ xã-hội.

Trả nợ xã-hội bằng cách nào đây? Nếu các ngài là những nhà khoa học chuyên môn, thì các ngài trước hết hãy bắt tay làm sách bằng quốc-văn để truyền-bá khoa-học.

Vem tiếp trang 23

Bài nghiên-cứu này tác-giả viết từ lâu, định dành in thành sách. Vừa rồi, trên báo Tiếng-Dân và Dân-báo có cuộc bút chiến về « vấn-đề thơ cũ, thơ mới » giữa hai ông Phan Khôi và Huỳnh thúc-Khang. (Coi D. B. ngày 26-6-41, 23-7-41, 24-7-41 và T. D. ngày 9-7-41, 6-8-41).

Sau cuộc bút-chiến ấy, cũng như sau những cuộc bút-chiến trước, người ta vẫn chưa biết rõ Thơ tự-do — hay là Thơ mới cũng vậy — là gì.

Tri-Tân đăng bài này, mục đích để giải-thích về lối thơ tự-do, cung cho các bạn đọc thân yêu một môn nghiên-cứu và bình-luận. — T. T.

Định nghĩa thơ tự do.

TRƯỚC khi nghiên-cứu và bình-luận về thơ tự-do, ta hãy định nghĩa hai tiếng « thơ tự-do » Thơ tự-do là gì? Thơ tự-do khác thơ cổ-thể thế nào?

Mới đặt hai câu hỏi trên, ta tưởng như việc định nghĩa ấy rất dễ-dàng.

Thơ tự-do không cần số chữ nhất-định, không trọng luật bằng trắc, nhiều khi không cần vần nữa, tóm lại, một thể thơ làm ra hoàn-toàn theo tự-do của thi-sĩ.

Nếu giải như vậy thì thơ tự do là văn xuôi mất rồi, không ai còn phí công mà đặt cho nó một cái tên khác là « thơ » làm gì, và người ta cũng không dẫu công nghiên cứu nữa.

Mà đó cũng là cái lầm chung của một số đông thi-sĩ mới của ta. Nói như vậy có người lại cho tôi có ý bôi nhọ những thi-sĩ ấy. Không. Tự nghĩ « trong vườn thơ, mình chỉ là một người đi hóng mát, về phê-bình thơ, mình chỉ là một tài-tử » tôi không tin tôi, có dịp gặp một nhà thơ là tôi đem câu chuyện thơ tự-do ra đàm-luận. Tôi đã nhận thấy rằng phần nhiều thi-sĩ ta cầu-thả quá, chưa chịu nghiên-cứu để hiểu thế nào là thơ tự-do, cứ theo cái hình ngoài của thơ Pháp mà làm những bài thơ ta không nghĩa lý gì cả!

Quay về thời-kỳ mà « làng thơ » là một nơi hỗn-độn, ở đó ai cũng

L'importance de cette technique nouvelle, en dehors de la mise en valeur d'harmonies forcément négligées, sera de permettre à tout poète de concevoir en lui son vers, ou plutôt sa strophe originale et d'écrire son rythme propre et individuel au lieu d'endosser un uni forme taillé d'avance et qui le réduit à n'être que l'élève de tel glorieux prédécesseur.

D'ailleurs, employer les ressources de l'ancienne poésie reste souvent loisible. Cette poésie possède sa valeur et la conserve en tant que cas particulier de la nouvelle comme celle-ci est destinée à n'être plus tard qu'un cas particulier d'une poésie plus générale...

Gustave Kahn.

muốn tự tôn mình là tao-đàn nguyên-sứ » ta có thể nhất được nhiều tài liệu quý báu cho ai khảo về sự tiến hóa của thơ ta sau này :

Ông Thái-Phỉ trong báo Tin Văn, bằng một giọng gắt-gao, phê-bình các thi sĩ của ta : « Xét về tinh-thần của thơ mới — xin hiểu là thơ tự-do — nói rằng làm thơ mới không bị bó-buộc, ... miễn là có văn thì thôi. »

Ông Khái-Hưng, trong báo Phong-Hóa, bằng một giọng khôi hài đầy ý vị, tả bức thang mây của các nhà thơ tự-do. Ông tự hỏi : « làm thơ tự do dễ hay khó ? » Ông trả lời : « chỉ độ vài giờ thôi ». Rồi ông tiếp :

« Vì thế, kỳ báo này,

« tôi lại

« Viết một câu văn vui, đại khái

« Cũng hằng thơ mới

« Nói thơ tự-do thì có lẽ phải

« Hơn : vì cứ mỗi lần

« Gặp văn

« Là lời tự-do xướng giòng, bất kỳ câu ngắn

« Hay dài, từ một đến mười hai chữ.

« Như thế hẳn

« Chẳng khó khăn gì

« Mà bỗng dưng mình lại trở nên một nhà thi-

« Sĩ. Rồi các nhà phê-bình sẽ

« Tìm ra những cái hay của mình và có lẽ

« Tôn đưa mình lên bậc thi hào

« Thì mình cũng đành nhận chữ b.ết sao ».

Khi trào-lưu thơ tự-do còn đang bùng-bột, một thi-sĩ lựa-cho một ít bài in thành tập. Bài tựa tập thơ ấy đã gây nhiều dư-luận trái ngược nhau ; một cuộc bút chiến khá kịch-liệt giữa mấy nhà văn thường đề ý đến những vấn đề văn-chương. Người ta đã tưởng sau cuộc bút-chiến ấy thế nào cũng được biết rõ về thơ mới hơn. Nhưng không ! Người ta không được biết thêm gì hết. Thơ mới vẫn ở trong một sự lờng-bông vô định. Một điều lạ nhất là những thi-sĩ mới đã có tiếng ở xứ ta, vẫn lặng thinh trước cuộc bút-chiến trên địa-hạt thơ.

Trở lại với việc định nghĩa mấy tiếng thơ tự-do của chúng ta. Thơ cũ — hãy chỉ nói riêng về hình thức, — có thể chia làm hai loại : thơ Đường và thơ cổ-thể (cổ-thể đây rộng nghĩa và khác với cổ-thể bên Tàu)

Thơ Đường là những thơ làm

theo luật có ở bên Tàu từ đời nhà Đường (618-906). Những luật về thơ ấy rất chặt-chẽ; vì vậy từ trước đến nay thơ ấy đã được coi như một thể văn cao nhất trong văn-chương, chỉ dành riêng cho những bậc tri-thức.

Chắc các bạn nhớ hết những luật ấy. Tôi chỉ cần nhắc lại những luật có ích cho sự bình luận sau này.

Trong thơ ngũ ngôn, tứ tuyệt hay bát cú, về thể bằng hay thể trắc, những tiếng hai ba bốn năm phải theo đúng luật bằng trắc; tiếng thứ nhất có thể bằng hay trắc.

Trong thơ thất ngôn, tứ tuyệt hay bát cú, về thể bằng hay trắc, những tiếng hai ba bốn năm phải theo đúng luật bằng trắc, những tiếng còn lại có thể bằng hay trắc.

Hai sự « xuất qui » về thơ ấy tóm tắt trong hai câu : « nhất bất luận, nhị tam ngũ phân-minh ; nhất tam bất luận, nhị tứ ngũ lục thất phân-minh ». Trong thơ thất ngôn có người cho sự « xuất qui » ấy lan ra đến tiếng thứ năm nữa. Nhất tam ngũ bất luận nhị tứ lục thất phân minh.

Thể thơ thứ hai, thơ cô-thề, có những văn (văn hai, văn tứ văn lục bát, văn thất ngôn, văn song thất lục bát) về, chuyển.

Về thể thơ này, cũng có sự bó buộc về văn và luật bằng trắc nhưng ta cũng vẫn có những sự xuất-qui. Văn lục bát, câu sáu : Nhất, tam, ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh ; câu tám : nhất tam, ngũ, thất bất luận ; nhị tứ lục phân minh. Những tiếng đứng về hàng lẻ có thể trắc hay bằng những tiếng đứng về hàng chẵn phải theo luật sau này : những tiếng hai bốn sáu phải một tiếng bằng cách một tiếng trắc, đến một tiếng bằng hay trái lại :

« Đêm khuya, thân gái, dậm trường, phần e đường xá, phần thương dãi dầu »

1	2	3	4	5	6		
(B)	(T)	(B)					
1	2	3	4	5	6	7	8
(B)	(T)	(B)					

Một giả thuyết :

Một sự nhận xét là vẫn theo luật chính, biết lợi dụng những sự « xuất qui » và sự tự do về thanh người ta có thể sáng tạo ra được một điệu mình muốn, nhưng vẫn na ná giống điệu những bài đúng luật, cho bài thơ của mình. (1)

Sự nhận xét thứ hai can-hệ hơn ? Nếu người ta cho sự xuất-qui lan ra một tiếng khác trong những tiếng « phân-minh », thì câu thơ thất luật thật, nhưng không đòi mấy và có khi lại có một nhạc điệu rất quý nữa. Một thí-dụ : Ta hãy đọc hai câu Kêu trên và khi đọc ta chỉ để ý đến nhạc-điệu :

« Đêm khuya, thân gái, dậm trường,

« Phần e đường-xá, phần thương dãi-dầu ».

Bây giờ ta lại đọc lại, và cũng chỉ để ý đến nhạc-điệu, hai câu ấy đòi như sau này :

Đêm khuya, thân gái, dậm trường,

Phần e đường bằng, phần thương bằng dầu.

Nghe hai câu ta tưởng như tiếng « đục » của một giây tơ chùng.

Từ nhận-xét thứ nhất, với những sự xuất-qui về âm và thanh, thi-sĩ đi đến sự nhận xét thứ hai, với một sự giải-phóng nhỏ. Từ nhận-xét thứ hai, thi-sĩ có thể đi đến một cuộc cách-mệnh hoàn-toàn về âm-thanh, thi-sĩ không còn chịu đem bài thơ của mình đúc vào cái khuôn bằng trắc nữa.

Một thể thơ ra đời, tôi xin tạm gọi là thơ « giải-phóng » (vers libérés).

Thơ giải-phóng có thể có từ một tiếng đến mười hai tiếng (tôi sẽ nói tại sao) và hơn nữa cũng được. Nhưng tất cả những câu thơ trong một bài thơ cũng có một số tiếng bằng trắc đặt theo điệu mình lựa-chọn, không cần đối, vần ép cũng được.

Như tôi đã nói trên, từ câu thơ cũ hoàn-toàn đúng luật, người ta đã đi đến câu thơ giải-phóng. Theo biến-thể của nó, ta tưởng không có sự gì tự-nhiên bằng. Một nước có những nhân-tài đã sáng-tác ra những điệu thơ mới như từ, khúc, ca-trù, song thất lục bát mà lại không có ai dám táo-bạo tổ-chức sự giải-phóng cho thi-ca ấy hay sao ? Thế mà không. Tiền nhân ta không dám nghĩ đến công-việc ấy, bao nhiêu năm vẫn khư-khư đúc tư-tưởng của mình trong khuôn-sáo cũ, hoặc có nghĩ thì chỉ nghĩ thoáng qua ! Vì vậy những câu thơ không theo luật bằng trắc như câu :

« Một đèo, một đèo lại một đèo ».

(Xuân Hương)

chỉ coi là những sự kém trong nghệ-thuật, những câu thơ làm ép, hoặc làm ra vì nghịch mà thôi. Khi nghĩ đến nghệ-thuật một cách đứng-dẫn, người ta lại phải trở về với khuôn-khò cũ. (Còn nữa)

LÊ-THANH

1) Người ta phân biệt hai thứ tiếng bằng thượng bình, những chữ không có dấu và hạ bình những tiếng có dấu huyền và ba thứ tiếng trắc, trắc thượng thanh (,) trắc khứ thanh (·) trắc nhập-thanh, những tiếng tận cùng bằng những chữ c, ch, p, t. Sự phân biệt ấy rất quan hệ một tiếng bằng hay trắc có thể là thượng-bình hay hạ-bình v.v..

Cùng ông Tiêu-Liên ở báo « Trung-Bắc »

Cây chaulmoogra không có ở Đông-dương Liên-Giang

TRONG tuần báo *Trung-Bắc* chủ nhật số 76 ngày 31 Aoút 1941, ông Tiêu-Liên có nói về một giống cây *chaulmoogra* mọc ra nhiều ở xứ Đông-dương mà một tờ báo bên tây tân-dương cái công dụng chữa bệnh hủi của thứ cây ấy, trách những nhà y-học ở xứ ta không biết lợi dụng nó.

Ông Tiêu-Liên cho những lời phán-đoán ấy là thừa, bởi vì ông biết rằng cây *chaulmoogra* không có gì là lạ hết, người Pháp và người Nhật đã biết đem dùng cây đó trong y-học từ lâu rồi, mà chính họ đã đem cây ấy ứng dụng vào việc làm thuốc chữa bệnh phong-hủi vậy.

Ông lại nói vấn đề về cây *chaulmoogra* đem ra bàn luận được đã mấy tháng nay rồi mà mấy tờ báo y học ở nước ta vẫn chưa có bài đáp lại, vậy ông phải đương lấy cái trách nhiệm ấy.

Ông lại nói rằng người đông phương và tây phương thực chưa có phương-pháp gì thần hiệu để chữa bệnh phong cả. Cây và quả *chaulmoogra* ép ra làm dầu, người ta dùng làm thuốc trị bệnh phong ở ngay đây cũng đã lâu đời rồi. Người Âu còn dùng nhiều thứ thuốc khác nữa và người Á-đông lại khám-phá ra một thứ cây có quả *chaularrogra* (?) Tàu gọi là *dại phong tử* dù những cũng chưa thấy có kết-quả...

Thực ra, ông Tiêu-Liên cũng chưa rõ cây *chaulmoogra* ấy là cây gì, mọc ở đâu, mà tiếng ta gọi nó là gì, chỉ biết Tàu gọi quả nó là *dại-phong*

tử 大楓子

Theo chỗ chúng tôi tra xét thì cây *chaulmoogra* (ông Tiêu-Liên viết lầm là *chaunoolqxa*) ở Đông-dương không có. Ở Đông-dương chỉ có một thứ cây tương-tự như thế, mà nhà khoa học gọi nó là *hydnocarpus*

anthelmintica. Trong Nam, người ta gọi là *chùm bao lớn*, bên Cao-mên gọi là *krabao phlé thom*. Ngoài bắc ta họ gọi nó là *hột móng chó*. Ta gọi là *hột móng chó*, vì những hột đó sắp cạnh nhau, ép lại thành góc tựa như móng chó vậy. Ngay ở Hà-nội ở phía bờ hồ Hoàn-Kiểm trước cửa nhà máy điện trông sang cũng có độ rậm cây *hột móng chó*. Và ở vườn hoa hàng Đậu, người ta cũng trông thấy có.

Xét trong cuốn *Catalogue des produits de l'Indochine* (Tome V- Fascicule I) của Ch. Crévost và A. Petiot, thì loài cây này mọc ở Nam-kỳ (Baria, Biên-hòa), ở Cao-mên (Sambor), ở Lào và ở Trung-kỳ. Người ta lại thấy nó mọc ở một vài nơi trong xứ Bắc kỳ. Ở thành-phố Hà-nội, các phố to, cũng thấy trồng. Hình như người ta đem giống-vào trồng ở tỉnh-thành vậy.

Cây này quả nó to, thon tròn, to hơn nắm tay. Hột nó có góc, độ 30, 40 viên ép vào nhau, dài 2 phân tây, rộng 1 phân tây, mỗi hột bọc một lần màng, nhân ở trong rất nhiều chất dầu. Dầu của nó cũng có tính chất như dầu của cây *Chaulmoogra* thực, tức là cây *taractogenos karzu king* để chữa bệnh phong-ma và các bệnh ngoài da. Những hột của cây *dại phong tử* xứ ta cũng đại-đề tương-tự như những hột của cây *chaulmoogra* chính-thực.

Sở Cứu-Tế ở Cao-mên hiện ngày nay đương trị bệnh phong-ma ở những trại hủi Takeo và Troeng (Kompong Cham) bằng thứ thuốc chế-hóa bởi chất dầu cây *krabao*. Xưa có một thầy mường Cao-mên tên là Pen, đã dùng thứ dầu cây này chữa bệnh hủi từ năm 1881.

Ở Cao-mên, có 3 thứ cây *krabao*. Thứ dùng để chữa bệnh phong gọi tên là *krabao phlé thom*, nghĩa là thứ cây *krabao* có quả to. Đem so

với cây *hydnocarpus anthelmintica* ở nước ta, thì đích-thực là thứ cây mà người nam ta gọi là *chùm bao lớn*. Nó là một thứ cây cao độ 25 đến 30 thước tây, gốc cây ở ngay mặt đất trung-bình đo được 40 phân tây đến một thước 30 phân đường kính. Cây *krabao* có mọc ở chỗ đất mà tuần-tiết có nước chảy vào mới nảy nở to ra được. Tháng Novem-bre và tháng Décembre có hoa, cuối tháng Juillet và đầu tháng Aout thì có quả. Mỗi quả to có độ 120 hột. Có quả gần bằng quả dừa non. Hột nó màu hạt cau (1), hình khác nhau, và có cạnh vì những hột bị ép lại ở trong vỏ. Trong hột có nhão, ép nhão đó ra có dầu màu hồng-phách, mùi gây như mùi hạt dẻ, mà chất dầu lỏng hơn dầu olive. Thứ dầu này dùng để chữa bệnh hủi, có thể cũng có kết-quả như thứ dầu lấy ở quả cây *chaulmoogra* chính-thực.

Viên giám-đốc y-sư ở Vệ-sinh viện ở Cao-mên và viên hóa-học sư ở phòng thí-nghiệm Paom Penh vừa mới chế ra được một thứ thuốc dầu cây *krabao* để tiêm cho những người mắc bệnh hủi.

Cách làm thuốc này cũng là bắt chước lối chế-hóa thứ dầu lấy ở cây *chaulmoogra* chính-thực ở Ấn-độ, Diên-điện và Java mà còn tinh-tế hơn. Cách chế lối mới này phải chích lấy những chất hoạt-động ở thứ quả ấy ra để có thể làm đủ các thứ thuốc chữa bệnh, như thuốc mỡ để bôi ngoài da, thuốc nước để uống và, mới nữa, như thuốc tiêm để tiêm vào da, theo như lối hiện hành bây giờ.

Phương-pháp chữa bằng dầu cây *krabao* như thế đã đem thí-nghiệm ở trại hủi Takeo và ở Kompong Cham cũng thấy có kết quả. Thứ thuốc chế ấy khứa cho bệnh-nhân ăn hơn lên và mạnh hơn lên. Những chỗ da loét rộng và sâu, (2) thuốc ấy hành động được một cách công-hiệu; xưa nay chưa có thuốc nào

(1) Quả nó, khi mới bỏ ra thì hơi trắng, để ra khi trời ít lâu thì sẫm màu lại (L.G.)

(2) Từ năm 1941 đến nay, vẫn chưa có thí-nghiệm ở Cao-mên tuyên bố về kết quả hoàn toàn của thứ thuốc dầu *krabao* này (L.G.)

được như thế. Nhưng cách chữa phải lâu, ít ra là hai ba năm, bền gan chuyên trị luôn luôn mới được.

Cách chế thuốc bằng dầu *krabao* trị bệnh phong - ma, đã có cơ thành tựu như vậy, nếu sau này sự kết-quả một ngày một mỹ-mãn thì chúng-bệnh khùng-khếp này có hy-vọng là tiêu-vong. Xứ Cao-mên có rất nhiều giống cây *krabao*, nhà nước đã có lệnh cấm ngặt không ai được hạ cả. Xứ thuộc-địa Đông-dương từ nay có thể cung cấp được thứ thuốc dầu ấy cho bất kỳ ở đâu hỏi xin, không cần phải yêu-cầu đến nước Anh và nước Mỹ, xưa nay chỉ có hai nước ấy là có bán thứ dầu gọi là dầu *chaulmoogra* mà thôi, mà thường thường lại là dầu giả hiện.

Ấy đại-cương ở cuốn *Biển mục những thổ-sản ở Đông-dương (Catalogue des produits de l'Indochine)* nói như vậy, thì ta biết rằng cây *chaulmoogra* chính-thực chỉ ở thuộc-địa nước Anh và đất nước Mỹ mới có. Đông-dương chẳng qua

chỉ có một giống cây tương-tự như thế, hay nói cho đúng là một loài có họ với cây *chaulmoogra* kia mà thôi.

Sách *Bản thảo cương mục* của Lý-thời-Trần nói về hột đại-phong tử này, có cất nghĩa rằng hạt này lấy tên là đại-phong là vì nó có tính-chất chữa chứng đại-phong (tức là bệnh hủi). Chỉ những nước Nam-phiên có nhiều.

Trong sách *Chấn-lạp kỷ* của Chu-đạt-Quan cũng nói rằng Đại-phong tử là thứ quả ở một cây to, hình-dạng như quả dừa mà tròn hơn. Trong quả có độ vài mươi hột. Trong hột có nhân, sắc trắng, nếu để lâu, vàng ủa lại, thì không dùng được.

Pho *Dược-vật sinh sản* của Trần-sơn-Nhân cũng chưa rằng; Đại-phong tử sinh ở đất Au-nam, Tiêm-la, Ấn-độ. Duy giống cây ở Au-nam tốt hơn. Tháng năm, tháng sáu, có quả mới.

Xét trong *Bản thảo cương mục*, thì khí vị hột này có tính cay, nóng và có độc. Chủ trị: trừ độc sát trùng. Chữa ghẻ-lở, phong-ma, và giang-mai. Có tất cả rằm sáu

phương thuốc, dùng lẫn dầu này vào để chữa bệnh hủi, ghẻ, giang-mai và xích ty.

Trong *Thần-nóng bản thảo* không có vị này. Chắc về sau, các y-gia tài mới tìm thấy.

Pho *Hoàng Hán y học tàng thư*, chỗ bản thảo, vị này cũng nói qua-loa. Chắc y-gia nhật chưa nghiên-cứu được kỹ.

Lạ-lùng nhất là mấy pho sách thuốc an-nam, như cuốn *Nam dược thần hiệu*, của Tuệ Tĩnh và cuốn *Bản thảo của Lãn Ông*, không thấy chỗ nào nói đến vị này. Nó là thổ-sản của nước ta, mà các danh-y ta ngày xưa hình như vẫn chưa biết tới.

Tôi biết có mấy làng ở tỉnh Bắc-ninh, mấy năm xưa, vẫn làm nghề ép dầu hột móng chó làm thuốc ghẻ, theo cách cha truyền con nối, bán khắp các tỉnh, công-hiệu rất là hoàn-toàn. Nhưng từ ngày các thứ thuốc tây chữa ghẻ đem sang, có hương-vị hơn, thì thứ thuốc dầu đen, nấu bằng hột móng chó, bần-thiểu khó ngửi, dần dần mất kiến dụng ở nước nhà. LIÊN-GIANG

Ngắm xem nội hóa nước nhà,
đền chè NAM-LỘC mới là thanh hương!



Các quý khách thích uống nước chè
xin hỏi ngay chè NAM-LỘC



Bán tại:
Số 5, Phố Phúc-Kiên
== HANOI ==

Nói qua về Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris

của AN-SƠN-TỬ

CHỈ N năm qua. Giữa giờ đông lạnh, mấy sinh-viên Việt-nam đương rét run cầm cập, tay kéo cổ áo lên để gạt những mảnh tuyết bay lộp-lộp, rồi đảo gót đi thẳng tới giảng-đài của Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris.

Hồi ấy trong Nam ngoài Bắc đã thấy vài tờ báo nói về người Việt-nam qua Pháp đọc bộ Luận-hành của Vương-Sung. Chúng tôi nhớ chừng như chỉ có ông Phan Khôi đã tốn công viết mấy bài rất có giá trị để giới-thiệu. Song ông Phan Khôi chỉ giới thiệu một bạn ẩn-danh của ông (1) mà chưa từng cho độc-giả biết qua về Cao-đẳng Hán-học viện.

Năm 1926, nhân xem ở Thái-bình-dương tạp-chí, bài *l'Institut des hautes études chinoises de Paris* do ông A. Vissière, giáo-sư trưởng Đông-phương bác-ngữ (Ecole des langues orientales) soạn, chúng tôi mượn ít tài-liệu — mà chúng tôi nhận là đúng — để viết bài này (2).

Từ Thế-Xương với ý-định lập Cao-đẳng Hán-học viện

Năm 1920, ông Paul Painlevé, nguyên thủ-tướng nội-các Pháp, có chân trong viện Hàn-lâm khoa-học Pháp, là một nhà bác-học kiêm chính-trị trứ danh, được thay mặt cho Đại-học viện chuyên-khoa (Sorbone) của Pháp, đứng đầu một phái-bộ nghiên-cứu về văn-hóa Đông-phương gồm có các danh-nhân đại-diện cho khoa-học-giới và văn-học-giới của Pháp như Ô. Ô. Germain Martin, Abel Bonnard, Joseph Nadal và Emile Borel cùng sang Tàu nghiên-cứu.

Tới Thượng-hải, phái-bộ ghé vào thăm ông Trương-cúc-Sinh, tổng-lý Thượng-vụ ấn-thư-quán. Sau khi đàm luận và coi qua nhà in, ông Painlevé nghĩ ý muốn mua một bộ

Tứ-khố toàn-thư. Họ Trương mỉm cười và đáp lời thượng-khách : « Vì Tứ-khố toàn-thư nhiều quá, nên chúng tôi không dám nhận in, vậy ngài nên hỏi thẳng ông Từ thế-Xương ».

Thế là phái-bộ đi Bắc-kinh để gặp họ Từ Ông này là một chính-khách học rộng, có danh-vọng và thế-lực rất lớn ở Tàu. Hồi còn triều-đình nhà Mãn-thanh, ông được triệu vào làm Quốc-vụ-khánh và Cung-trung giáo-tập. Năm 1918 Phùng-quốc-Chương chết ở Bắc-kinh, ông được bầu lên làm Thống-lĩnh thay Phùng.

Tới năm ấy (1920), tuy các yếu-nhân trong nội-các chỉ còn toàn những người của phái Trục-lệ (phái của bọn Tào-Côn) và của phái Mãn-châu (phái của bọn Trương-tác-Lâm) mà ông vẫn đủ uy-quyền để giữ vững ghế Thống-lĩnh chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc (3).

Họ Từ tiếp ông Painlevé rất niềm-nở và vui lòng tặng Đại-học viện chuyên-khoa của Pháp một bộ Tứ-khố toàn-thư tuy cả nước Tàu chỉ còn có ba bộ (4). Rồi họ Từ đưa ra một ý-định : lập Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris. Tán thành ngay, ông Painlevé hứa sẽ làm chủ-tịch ban quản-trị của Cao-đẳng Hán-học viện sau này và hua hết sức vận-động cho viện chóng thành lập.

Ngày khai giảng của Cao-đẳng Hán-học viện

Thời-gian qua. Nam sau, Đại-học viện chuyên-khoa của Pháp đã thực hiện được ý định của họ Từ.

Ngày 13 Avril 1921 ở giảng-đài Richelieu trong Đại-học viện chuyên khoa của Pháp có một kỳ hội họp rất long-trọng do ông Honorat, tổng-trưởng bộ Học-chính Pháp hồi bấy giờ chủ-tịch và do ông tổng-trưởng bộ Ngoại-giao Tàu chứng-kiến để khai-giảng các lớp của Cao-

đẳng Hán-học viện ở Paris.

Viện thành lập từ ngày 22 Mars 1921. Pháp-qui của viện đã được Tham-chính viện công nhận và tuyên bố cho dân-chúng biết.

Buổi khai mạc, ông Painlevé, lấy danh-nghĩa là chủ-tịch ban quản-trị đứng lên nói qua về mục-dịch của viện, nơi mà sau này sẽ thành chỗ căn cứ để sưu tầm theo nhận thức khoa-học tất cả những tài liệu về Văn-đông và văn minh Trung-quốc. Rồi đến các diễn giả khác lần lượt nói tiếp. Hôm ấy người ta nhận thấy các ông : Đại-sứ Trung-hoa ở Paris, Appel, giám-đốc Đại-học, người cao tuổi hơn hết ở Đại-học văn-khoa ; Brunot, nhà văn-phạm trứ danh và Honorat, tổng-trưởng bộ Học-chính Pháp.

Sau khi diễn-giả cuối cùng dứt tiếng thì có chiếu bóng toàn « phim » rọi về phong cảnh, lâu đài và tàn tích của ấp Tu, làng Xương-bình, nước Lỗ tức là quê hương đức Khổng-tử (nay thuộc huyện Khúc-phụ, tỉnh Sơn-đông).

Cuộc hội họp kết thúc bằng mấy lời mở bài rất uyên-thâm của giáo-sư Marcel Granet giảng về văn-minh Trung-quốc và mấy bản đàn của giáo-sư Louis Laloy dạo rất tài tình để mọi người dự-thính được thưởng thức buổi đầu tiên.

Mục-dịch và học-khóa của Cao-đẳng Hán-học viện

Trong bữa tiệc tiếp rước phái-bộ nghiên-cứu văn-hóa Đông-phương (5) do Tham nghị-viện và Dân nghị-viện của chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc thết vào tối hôm 20 Juin 1921, ông Lý-thành-Đô, nguyên viện trưởng Tham nghị-viện, lấy tư cách là người đã có chân trong phái-bộ Trung-hoa nghiên-cứu về chánh-trị và hành-chính của Âu-châu qua Pháp hồi tháng Avril 1906, nói với ông Painlevé mấy câu đại-khái như sau : « Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris thành-lập được một phần lớn do sự gắng sức của ngài (trở Painlevé), vậy nhân danh chính-phủ Trung-hoa dân-quốc, tôi thành-thực cảm ơn nước Pháp và ngài đã tìm cách thắt chặt hai nền đại-học Pháp-Hoa. »

Nhân đó, ông Painlevé muốn tỏ ý chỉ, hàn châu là bước đầu tiên, còn phải tiến hóa nhiều, nên cất tiếng cảm - động, nói qua về mục-đích Cao-đẳng Hán-học viện: « Cái sáng-kiến của Thống-lĩnh Từ-thế-Xương cũng như cái thiển-ý của chúng tôi khi lập Cao-đẳng Hán-học viện chỉ là nói cho nhân-loại biết rằng những cái cao-sâu của tinh tú hai vầng minh Đông-Tây không những cần thiết cho sự tiến-bộ của nhân-loại, mà còn cần thiết cho cả nền hòa-bình của thế-gới. Lĩnh hồn của hai vầng minh Đông-Tây phải hiểu nhau và phải đi sâu vào nhau. »

Mục-đích tốt đẹp như thế, vậy học-khoa của Cao-đẳng Hán-học viện có những gì? Theo ít tài-liệu mà chúng tôi lược được thì có:

1. — Lớp giảng về văn-minh Trung-quốc do giáo-sư Marcel Granet đảm nhận, giảng từ tiền-sử cho đến Trung-quốc cận đại.

2. — Lớp giảng về Trung-hoa chính-trị cận đại do giáo-sư André Daboscq đảm nhận.

3. — Lớp giảng về âm-nhạc và mỹ-thuật Trung-quốc do giáo-sư Laloy đảm nhận, giảng về âm-nhạc từ những đời Đào Đường, Hữu Ngu cho đến bây giờ.

4. — Lớp giảng về Trung-quốc-y-khoa do giáo-sư Ly Yu-Ying, nhà cổ-học Tầu trú-danh, đảm nhận.

Mấy giáo-sư này cùng làm việc dưới quyền giám-đốc và cố-vấn của ông Han Jou Ka, nhà thạc-học đã nổi tiếng ở Đông-phương, do chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc bổ dụng. Ông Kia, ngoài công việc của Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris, còn có nhiệm-vụ phải sáng lập ra các tổ chức nghiên-cứu về những ngành học chuyên khoa của Đại-học viện Pháp.

Còn nữa

AN-SƠN-TỬ

(1) Chúng tôi phỏng đoán là ông Nguyễn Phan biệt-hiệu Quảng-văn-Tử, hiện ở Paris.

(2) Ngoài ra, chúng tôi còn nhớ anh P. v. H. cho ít tài-liệu vì anh này, sau khi tốt nghiệp Cao-đẳng triết-học, có học ở Cao-đẳng Hán-học viện.

(3) Hồi ấy các lãnh-tự miền Nam nước Tầu hết sức ủng-hộ Tôn-dật-Tiên do Trần

quỳnh Minh triệu-tập, đã hội-hợp ở Quảng-Đông và, ngày 11 Avril 1921, toàn thể nghị-viên đã bầu Tôn làm Thống-lĩnh Trung-hoa dân-quốc miền Nam.

(4) Theo giáo-sư A. Vissière thì ông Painlevé được Từ-thế-Xương hứa cho 3 bộ nhưng xét ra không đúng vì vua Càng-Long tuy để lại 7 bộ (cả ở trong cung và các ngoại-trấn như Phụng-thiên, Hàng-châu, Dương-châu, Trấn-giang) nhưng sau mấy phen loạn Thái-bình Thiên-quốc, Quyển-phủ Bắc-kinh thì mất hai bộ, cháy hai bộ, chỉ còn lại có ba bộ, trước để ở Phụng-thiên, sau đem cả về Bắc kinh. Còn lại có ba bộ, không nhớ Từ-thế-Xương hứa cho cả 3 Quế-vũ, sau chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc chỉ tặng nước Pháp một bộ hủ-tả.

(5) Phái-bộ sang lần thứ hai, có ý lập thêm lớp Trung-hoa kinh-lễ nhưng không thành.

Các gia-đình Việt-nam nên đón coi

Những chiến công oanh liệt của nhà Trần.

Những đoạn lịch sử vẻ vang của nước Việt nam

Sẽ đăng trong báo Tri Tân trong số đặc san Trần Hưng Đạo

Đặt mua ngay từ giờ Sách của quốc-học thư-xã

TẦM NGUYÊN TỬ-ĐIỀN

Tinh-hoa gói 100 bộ kinh, Chuyện, Sử, Tử, nhiều tài-liệu, điều-cổ, cần-thiết cho sự hiểu biết Quốc-văn và văn-chương Việt-hán, một bộ từ-đề phong-thú chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, dày 400 trang, có chưa chữ Hán

giá: 2p 80.

GẤY bouffant hảo hạng 3p 80 — GẤY bouffant bla vải chữ vàng 5p 00 (Loại sách quý đẹp này có đánh số và có chữ ký cùng lời đề-lộ của tác-giả, dành riêng cho các bạn đặt mua trước, các hiệu sách không bán.

BÁN GẦN HẾT

QUỐC-SỬ ĐÌNH-NGOA Giá 0p.50

NGƯỜI LỊCH - THIỆP Giá 0p 65

Hai cuốn này được báo-giới trong nước nhiệt liệt hoan-ngênh, nên chỉ còn một số rất ít.

Tax và mandat mua sách gửi cho
M. LÊ VĂN-HÒE

Giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16 bis, rue Tien Isin - Hanoi

Cánh nhỏ, nước xanh, hương
thơm hơn các thứ chè khác

CHÈ TRUNG - LƯƠNG

Kính trình quý khách Bắc-trung-nam
Nội Hóa ta nay đã khéo làm
Cứ thử dùng qua rồi mảy rõ
Chớ làm quýt nọ khổ thân cam.

II

Chớ làm quýt nọ khổ thân cam
Lời nói mong sao đáng việc làm,
Ắt hẳn vàng kia đâu phải gánh
Lợi quyền gìn giữ lấy danh lam.

Củ nhân:

PHẠM - VĂN - CƯỜNG
TRUNG - LƯƠNG
129, Rue Duvillier
HANOI

Một áng thơ được Phan Thanh-Giản trình-trọng :

DƯƠNG LIỄU TỪ của LÊ BÍCH NGÔ

Hà-tiên, MỘNG-TUYẾT kể và dịch

BÊN đầu cầu, dưới gốc thùy dương đang có một cảnh phân-ly của đôi bạn thâm-tình :

Một là chàng nho-sĩ ưu-ái đang nặng lòng với giang san, quân, quốc : Phan thanh - Giản quả-quyết ra đi.

Một là chàng dật-khách thanh-nhân vẫn gửi tình với tuyên-thạch yên-hà : Lê Bích-Ngô ngậm-ngùi ở lại.

Sau khi bẻ liễu đưa nhau, một cảnh tặng biệt nên thơ có biết bao nhiêu tình-tử và cảm-hoài, khi mà vô ngựa đã một bạn qua cầu rồi thì người đi bẻ-biệt. Bẻ-biệt ở nơi góc biên bên trời xa, mà kẻ ở lại thảng ngáy vô-vô âm-thầm, buổi sớm buổi chiều chỉ những đợi chờ và mong-nhớ.

Gió sớm, trăng khuya, bàng-hoàng bên gốc liễu : những tiếng chim oanh riu-rít, cánh hoa rơi rụng rơi-bời, tình cảnh ấy biết bao là nỗi trù-trướng !

Niềm thương-nhớ đó thiết tha những thương-nhớ của bạn-bè Nó là lòng sầu-oán ái-hoài của người khuê phụ «Hối giao phu tử mịch phong hầu».

Hơn thế nữa, nó là nỗi đợi-chờ của nhành thùy dương bẻ còn sót lại mong-mỏi khi dương xuân ấm-áp trở về hàn-gắt vết thương xưa, do những biệt-ly-nhân, hôm nào đây, đã vô-tình bẻ cành đưa tặng cho nhau.

Nhưng mà, khách qua đường đó quả cũng là vô-tình lắm ! Một khi mà dặc-ý ra đi, chốn giang-nam chàng phối ngựa rồi, thì đầu cầu vắng-vẻ mặc chồi liễu yếu bên đường buông lá mối tơ sầu.

Có những đêm khuya thanh-vắng, tiếng sáo nhà ai đưa lại những khúc « chiết liễu » não-nùng, khiến cho người thiếu phụ lạnh-lẻo khát-khao những ý xuân ấm-áp, tựa bên lầu ủ-rũ như một góc liễu tương tư.

Lòng mong nhớ đợi chờ đó, Lê-bích-Ngô tiên-sinh đã thác ra lời cây dương-liễu gửi cho một bạn-nhân : cụ Phan-thanh-Giản đang khi du-hoạn.

Những niềm biệt-ly êm-ái, những nỗi mong nhớ âm thầm, những ý trách móc nhẹ nhàng, tình tứ như một giai nhân hay chữ dưng nụ mát mẻ với người yêu ,

Dương-liễu-từ, mười bài tuyệt cú lên hoàn, cụ Lê viết trên bức lụa đưa cho bạn Lương-Khê.

Cụ Phan-lương-Khê, ông quan say việc nước, quên tình riêng, ông quan ưa thanh đạm và giản dị có tiếng đó, đã phải yêu thích món quà của bạn, trân trọng hơn bảo vật trên đời.

Tiếng liêm-khiết và thanh giản của cụ Phan đã được người đương thời truyền-tụng, còn truyền-tụng cho đến ngày nay.

Truyền rằng : Nơi ăn, chốn ở, chỗ nằm ngồi của cụ bao giờ cũng đơn đạm lắm, không hề có trang hoàng gì cả. Duy chỉ có bức lụa « Dương-liễu-từ » là luôn luôn treo ở chỗ tốt nhất trong thư-trai.

Mỗi khi thuyên truyền, cụ Phan tự tay cuốn lại, phong gói, mang theo, rồi khi đến nơi, lại cũng tự tay mở ra, treo lên, quí mẫn không rời.

Dưới đây là nguyên văn bài « Dương-liễu-từ » và lời dịch nôm của Mộng-Tuyết :

楊柳詞

Dương liễu từ

斜倚東風伴夕陽
Tà y đông phong bạn tịch-dương,
青青清影入池塘
Thanh-thanh thanh ảnh nhập trì-đường.

多情不與行人說
Đa-tình, bất dũ hành-nhân thuyết,
伴著流鶯說短長
Bạn trước lưu-oanh thuyết đoản trường.

短長情緒幾慙慙
Đoản trường tình - tự kỷ ân-cần.

夜月朝煙認未真
Đạ nguyệt, triều yên, nhận vị chân.

珍重莫交行客手
Trân trọng mạc giao hành-khách thủ,
斷將分贈別離人
Đoạn tương phân tặng, biệt-ly nhân,

別離人最是无情
 Biệt - ly nhân tối thi vô - tình :
 得意江南馬上行
 Đắc - ý Giang - nam, mã thượng hành.
 漠漠橋頭誰是問
 Mich - mich kầu đầu, thùy thi vấn ?
 也會折處嫩枝生
 Dã tăng chiết xứ nộn chi sinh

嫩枝生處露初乾
 Nón chi sinh xứ, lộ sơ can.
 無力纖腰五夜寒
 Vô lực tiêm yếu, ngũ da hàn !
 獨立低徊愁不語
 Độc lập đê - hồi, sầu bất ngữ,
 垂眉終日待春還
 Thùy mi, chung nhật đãi xuân hoàn.

春還春去幾時歸
 Xuân hoàn, xuân khứ, kỷ thì qui ?
 腸斷誰家玉笛吹
 Trường đoạn, thùy gia ngọc - địch xuy ?
 嬈娜那堪風力捲
 Niểu - ná na kham phong-lực quyên.
 可憐春老有花時
 Khả liên xuân lão hữu hoa thì !
 花時輕萼幾人憐
 Hoa thì, khinh - bạc kỷ nhân liên !
 何日章臺續舊緣
 Hà nhật Chương - đài tục cựu duyên ?
 說得梅花還不解
 Thuyết đắc mai hoa hoàn bất giải,
 却含微意笑朝煙
 Khước hàm vi ý tiếu triều yên.

朝煙隱隱綠陰陰
 Triều yên ẩn - ẩn, lục âm - âm ...
 尽日蕭條著嫩金
 Tân nhật tiêu - điều trước nộn kim.
 少婦不知春意暖
 Thểu phụ bất tri xuân - ý noãn,
 樓前不覺暗傷心
 Lầu tiền, bất giác âm thương - tâm !

傷心多在社鵲啼
 Thương - tâm, đa tại đồ - quynh đề,
 飛去飛來恨未齊
 Phi khứ, phi lai, hân vị tề ...
 昨日黃鸝聲未絕
 Tac nhất, hoàng oanh thanh vị tuyệt.
 鵲鵲今又說長堤
 Ý - nhi kim hựu thuyết trường - đề.

堤上金絲著地橋
 Đề - thượng kim - ti trước địa - kiều.
 年年贈別露痕消
 Niên niên tặng biệt, lộ ngân tiêu.
 也知多少行入意
 Dã tri đa thiêu hành - nhân ý :
 纔得新條厭舊條
 Tài đắc tân điều, yếm cựu điều.

舊條新纓乱如蕨
 Cựu điều, tân lữ loạn như mai !
 尽日黃鸝機擲梭
 Tân nhất hoàng oanh cơ trịch thoa.
 織就春城三月錦
 Chức tựu xuân thành tam nguyệt cầm ;
 也膺東主作香羅
 Dã ưng Đông - chủ tác hương la.

Dịch nôm :

Phe phầy đông-phong dưới ánh chiều,
 Bờ ao, cảnh biếc bóng xiêu-xiêu.
 Nặng tình, không gửi người qua lại,
 Thỏ thẻ, con oanh nói ít nhiều.

Ít nhiều, bao xiết nỗi ân cần...
 Khỏi sớm, trăng đêm, nét chập chàn,
 Trán-trọng chớ chuyển tay khách lạ
 Bể đem đưa tặng bạn dòi chân.

Dòi chân, khách cũng khéo thờ-ơ,
 Ngựa phôi Giang-nam, đề dòi chờ,
 Ngánh lại đầu cầu, ai đó lá ?
 Dấu xưa cảnh bể đã chồi tơ.

Chồi tơ, lóng lạnh giọt sương trong.
 Mưa gió năm canh những lạnh-lùng.
 Đứng lảng, mây tơ buống ử rữ
 Tin xuân, chiều sớm luống chờ mong.

Chờ mong, xuân mấy độ đi qua,
Sáo ngọc nhà ai tiếng thiết tha?
Mềm yếu-lả theo cơn gió lốc,
Thương thay hoa hở buổi xuân già!

Xuân già, ai tiếc cảnh hoa tàn!
Bao thuở Chương-dài duyên nối duyên?
Câu chuyện hoa mai khôn tỏ được
Nỗi niềm sương khói dải lan-lan.

Lan-lan sương khói bóng cảnh râm;
Ngày đoạn, tơ non đã nẩy mầm.
Cô ấy biết đâu xuân ấm-áp,
Trước lâu bông gọi mối thương-tâm!

Thương tâm cái cuộc giục bên tai,
Nỗi hận chưa nguôi khắc khoải hoài!
Vừa đó chim oanh còn vắng tiếng!
Ý-nhi riu rít hót bờ dài.

Bờ dài, tơ mắc dịp cầu thừa.
Ngẩn-mắc tan, bao bận tiền đưa...
Lòng khách qua đường ai cũng thế:
Vừa vin cảnh mới, bỏ cảnh xưa!

Cảnh xưa, tơ mới rồi tơ bời!
Chiều sớm oanh vàng đưa chiếc thoi.
Tổ dềm thành xuân hoa gấm dệt,
Lụa thơm đánh đề chúa xuân chơi.

◆
Đã có một lần, Mộng-Tuyết học người xưa, gây
lò hương đượm, mài mực chép thơ « Dương-
liễu » gửi cho người bạn ở vùng quê-hương của
cụ Phan.

Văn-chương sau trước, mối hoài cảm nghìn
xưa đâu có khác bây giờ; mà người con gái chốn
buồng the vẫn cảm một mối cảm chung với
người danh-sĩ.

« Khúc Dương-liễu tân-thanh » nay lại có,
không như cô-nhân riêng của một người nào, mà
là của hết thấy những ai ai đã có một lần đề cho
cảnh biệt-ly xui lòng thôn thúc, không ở một
chốn tràng-dinh, nhưng mà ở một bến đò, ở một
quán rượu, ở một nhà ga hay ở những đầu đầu.

Khúc « Dương-liễu tân-thanh », vì thế mà nhờ
mây gió bốn phương trời đưa đến cho những
tâm-hồn phiêu-lãng say mê gió bụi giang-hồ, một
bước ra đi không nghĩ đến ngày trở lại.

Cảnh nhược-liễu kia há chẳng từng than :
« Biệt ly nhân lối thị vô tình »!

Dương-liễu tân-thanh

« Dương-liễu » mười bài chép gửi anh,
Ly-hoài ai khéo gọi cho mình.
Bích-ngô đâu cũng lòng thôn-nữ,
Chung với nghìn xưa một mối tình.

Bên đường, qua lại bao nhiêu khách,
Riêng bề cảnh, xuân đưa tặng nhau.
Sung sướng, Giang-nam chàng phối ngựa,
Tháng ngày, bóng liễu rủ tơ sầu.

Lả-lướt đợi ngày xuân trở lại,
Ngày xuân trở lại hỏi bao ngày!
Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió!
Ngùi-ngậm tàn xuân, hoa rụng đầy!

Nét mực vừa khô, lệ ướt đầm
Lời xưa thêm gọi mối thương tâm!
Biệt-ly còn bận đời danh-sĩ,
Huống khách buông the, lúc biếng ngám!



Các bạn nhớ đón xem

Tuần báo Ngòi bút

Phê bình văn-chương, phê bình
nhân-vật, phê bình ý-kiến, phê
bình thời-sự, phê bình cảnh sống

TÒA SOẠN :

PHẠM-NHU-KHUÊ — TRƯƠNG-TỬU — NG.
ĐÌNH-LẬP — ĐỒ-PHỒN — NGUYỄN-ĐỨC-
QUỲNH — VI-HUYỀN-ĐẮC — CHU-THIÊN

HÀN - THUYỀN XUẤT - BẢN - CỤC
in và phát hành

Số đầu sẽ ra vào thượng tuần tháng Octobre 1941

Ai muốn làm đại-lý xin gửi thư về:

ÔNG NGUYỄN-XUÂN-TÁI

53 — 71 — Phố Tiên Tsin — Hanoi

CŨNG là người xứ-sở và bạn đồng-liêu với Nguyễn-văn-Thắng (J. B. — Chaigneau) Nguyễn-văn-Chấn người Pháp tên là Philippe Vannier ông cùng với nhiều người Pháp khác theo phò chúa Nguyễn Ánh tự ngày khởi-bình ở G a-Định.

Trong hợn những người nước Pháp sang phò chúa Nguyễn bấy giờ chỉ có J B — Chaigneau, Philippe Vannier là được ban quốc-tính họ Nguyễn và đặt tên ta còn kỳ dư như De Forçant thì ta gọi là Lê-văn-Lăng, Victor Olivier de Puy-manel thì ta gọi là ông Tín Laurent Barisy là ông Mán. Ngoài đó ra không thấy sử sách chép đến những người Pháp khác tên tiếng ta là gì, sự nghiệp từ nào và gốc tích ra sao.

Những thủy quan Pháp phò chúa Nguyễn từ cuối thế-kỷ thứ 18 mà nay ta quen nhắc đến :

Dayot, Tri lược hầu.
Gérard de l'isle Sellé. Cai đội (1) Long-hưng-hầu

Oliver de Puymanel (Tín), Thần sách vệ úy rồi khám sai chương cơ.

Le Brun khám sai Cai đội, Thạnh oai-hầu.

Guillon Phó cai-cai, Oai-dũng-hầu.

Guilloux Phó cai cai, Nhuệ-lai-hầu

Manuel (Mạn Hoê) An-hóa-hầu (2)

Gibson chủi trực hầu.

De Forçant Lê-văn-Lăng (3) Chương cơ, Lăng-trực-hầu, quân tàu Bả g-phi

Barisy (Mán) cai đội, Thành-lin-hầu, quân tàu Loan-phi.

Chaigneau (Nguyễn văn Thắng) chương cơ, Thắng toán hầu, quân tàu Long phi.

Vannier (Nguyễn văn Chấn) chương cơ, Chấn vũ hầu, quân tàu Phụng phi

Trong Đại-Nam, chính biên liệt truyện sơ tập quyển 28, từ 9 b chép nhầm mấy tên ta của Thắng và Chấn « Đa đột tử danh Chấn, Ba-ni-ê từ danh Thắng, quân từ Nguyễn thị ..

Nếu cứ theo liệt truyện thì Đa đột tức là Dayot, tên là Chấn và Ba-ni-ê là Vannier tức là Thắng. Thế thì sai hẳn. Song căn cứ vào những bài khảo-cứu xác định của M. A Salles và cổ (ad ère trong mấy tập

B.A.V.H 1920, 1922 và 1923 thì đúng hơn và không còn hồ nghi gì nữa:

Đa-đột, tức Dayot, từ chức bỏ đi Áo môn từ năm Ất mao (1795) Manuel là Mạn Hoê đã tử tiết trong trận thủy chiến ở cửa Cần-giờ năm Nhâm dẩn (1782). Oliver là ông Tín phụng mạng đem tàu đi chữa ở Malacca, mất ngày 23 Mars 1799, kể đến ngày 9 Octobre năm ấy, đức thầy Bá Đa Lộc cũng bị bệnh rồi từ trần ở Quinhon. Các quan người Pháp đều nhớ nhà, chán nản, bỏ đi cả, chỉ còn lại ở Hué có bốn người: Laurent Barisy là ông Mán, De Forçant là Lê văn Lăng, J. B. Chaigneau là Nguyễn văn Thắng và Philippe Vannier là Nguyễn văn Chấn. Sau khi ông Mán' và Lê văn Lăng mất, chỉ còn hai người pháp ở lại Nguyễn triều là Nguyễn-văn-Thắng và Nguyễn-văn-Chấn.

Philippe Vannier, sinh tại Loc mariaquer (Morbihan) bên Pháp ngày 6 Février 1762. Cha là Francois Vannier và mẹ là Vincente Joanis.

Năm 16 tuổi Philippe Vannier đăng vào Thủy quân (1778)

Khi đức thầy Bá Đa Lộc cùng Hoàng tử Cảnh ở Tây về, qua Pondichéry, thì Vannier đã có ở đấy rồi và đến năm Kỷ dậu (1789) mới tới đất Nam kỳ (6)

Khi mới tới phò giúp chúa Nguyễn Anh Philippe Vannier bắt đầu làm quân tàu Bổng - thừa tàu Donnai rồi đến tàu Phụng-phi.

Nguyễn vương đặt tên cho là Chấn và ban cho quốc tính là họ Nguyễn. Ngày 27 Juin 1790, vương phong cho Vannier là Nguyễn văn Chấn chức khám sai thuộc-nội Cai cơ quân tàu « Donnai » dưới quyền Jean Mairie Dayot.

Đến năm Gia-Long nguyên niên (1802) Nguyễn văn Chấn được thăng Khám sai chương cơ Chấn vũ hầu như đạo sắc sao ra đây (7). Mãi đến đời vua Minh - mệnh Nguyễn văn Chấn được phong gia nhất cấp và tước Chấn thanh hầu (8) sắc ngày 19 tháng 8 năm Minh mệnh thứ 5 là 11-10-1884.

Mấy trận đánh Thị Nại đều có Nguyễn văn Chấn, bấy giờ Chấn không coi tàu Donnai nữa và được

NGUYỄN VĂN CHẤN

— 1762 1842 —

NGUYỄN TRIỆU

bỏ sang làm chúa tàu Phụng-phi có những 26 khẩu súng thần công và 300 thủy thủ.

Nguyễn văn Chấn và tàu phụng phi kể ra cũng đã lập được nhiều chiến công trong các trận thủy

chiến với Tây sơn. Có một lần giao chiến với thủy-bình địch từ 10 giờ tối đến 10 giờ sáng sau làm cho thủy sư bên địch cháy tan tành không còn lại một chiếc thuyền nào cả !

救中軍正管鳳飛銅艚欽差屬內該奇
阮文震跨浪雄風凌波巨志風雲契從
龍之會遇巷有緣舟楫攄使馬之功涉
川攸利既彰偉績宜修殊恩特准陞為
正管鳳飛銅艚欽差屬內掌奇震武侯
戎務尚其勵有嚴有翼之能式共武服
奮如翰如彪之勢茂建戎功時命式欽
令名勿替欽哉故

Sắc Trung-quân Chánh quân trong phi đồng tàu, Khám sai thuộc nội Cai cơ

Nguyễn-Chấn

Khóa lăng hùng phong, lăng bái. Phong văn khế tông long chi hội, ngộ hạm hữu duyên; chu lưu sử mã chi công, thiệp xuyên du lợi. Kỳ chương vĩ tích, nghi xán. Đặc chuẩn thăng vi Chánh quân Phụng-phi đồng tàu, Khám thuộc nội Chương cơ, Chấn vũ hầu, quân suất Nội tàu o thủy nhất đội viên quân đang, thỉnh hậu Trung quân như Thượng kỳ lệ hữu nghiêm hữu đức chi năng, thực cung võ phục, n như hân, như phi chi thể, mậu kiến nhung công. Thị mệnh thức n, lệnh danh vật thế Khám tai. Cổ sắc.

Gia-long nguyên niên, thập nguyệt, nhị thập ngũ nhật.

Những chiến công oanh liệt đó đều nhờ ở ba đại chiến thuyền bên Nguyễn là Long phi, Phụng phi và Bổng phi do ba thủy quan Pháp là Thắng toán Hầu Chaigneau (Nguyễn văn Thắng) Chấn vũ hầu Vannier (Nguyễn văn Chấn) và Lăng trực hầu, De Forçant (Lê văn Lăng) điều khiển.

Tháng 5 năm Tân dậu (Juillet 1801) khắc phục thành Huế, rồi đức Thế Tổ sai Vannier và De Forçant ra án thủ cửa Hàn.

Trong khi bình thời vô sự. các việc võ bị không cần thiết lắm, nên ngày 16 tháng 9 năm Minh mạng thứ 5 (8 Octobre 1824) đức Thanh Tổ xuống chiếu cho hai ông quản tàu Long phi là Chaigneau tức Nguyễn văn Thắng và quản tàu Phụng phi là Vannier tức Nguyễn văn Chấn về trí-sĩ ở nguyên quán bên pháp.

Bấy giờ ông Thắng, chúa tàu Long và ông Chấn, chúa tàu Phụng bị-người bỗng dất thế nhĩ vào Đà-nẵng, chờ từ 17 Novembre đến 11 Décembre 1824, mới gặp được thuyền ta, đi Đồng-nai. Ngày 24 Décembre, tới Saigon, hai người lật-đật đi làm phận-sự cần nhất là tới viếng phần-mộ đức thầy Bá Đa-Lộc (lăng Cha-cổ).

Sau, được tin có chuyển tàu « Courrier de la Paix » sắp ghé Singapore lấy hành-khách về Tây, hai ông Vannier và Chaigneau ngày 21 Mars 1825, tất-tưởi phải thuê ghe buồm ta mà đi cho kịp đề đáp tàu về cố-quốc.

Hôm 6 Septembre 1825, Vannier và Chaigneau về đến Bordeaux sau khi xa cách quê-hương 36 năm trường.

Philippe Vannier mất tại Lorient hồi 11 giờ sáng ngày 6 Juin 1842 ở số nhà 37, Rue du Port.

Phu-nhân là người ở Hué, tên Madeleine Nguyễn-thị-Sen, sinh hạ được 3 trai và 7 gái.

Năm Quý-hợi (1863), niên-hiệu Tự-Đức thứ 16, ông Phan-thanh-Giản phụng-mạng sang sứ bên Pháp, cũng có gặp vợ con Vannier ở Paris. Trong hành-trình nhật-ký có

nói đến việc này (9) :

Buổi chiều ngày 23 tháng 8 là 5 Octobre 1863, có bà Nguyễn-thị-Sen là phu-nhân Nguyễn-văn-Chấn, chúa tàu Phụng, tới thăm sứ-bộ ở khách-sạn và đi cùng lệnh-ái là Marie từ Lorient tới và đã có thơ hẹn trước 10 hôm. Trong khi nói chuyện, phu-nhân rơi lụy mà thuật rằng: theo phu-quân về nước Pháp, đã 37 năm và tính tuổi (theo lối Tây) thì phu nhân 75 tuổi rưỡi. Phu nhân lại nói ông Chấn hẹn về Tây rồi lại sang nước Nam, song nay ông đã mất rồi, thế là tuyệt-vọng ! Phu-nhân nói có 3 gái và 7 gái. Marie 39 tuổi và đã có con gái lớn 17 tuổi đi học.

Đoạn, phu-nhân chấp tay cầu-nguyện cho Hoàng-gia và nói thêm rằng trong hai triều Gia-long và Minh-mạng, Hoàng-đế cũng có ban cho cả khăn lẫn áo.

Xem tiếp trang 14

1) Chức Cai-đội và Cai-cơ của ta ngày xưa là vào hàng thượng, ước, chứ không phải như cai, đội ta bây giờ.

2) Xem Tri-tân số 9 trong 16 17.

3) De Forçant (Lê văn Lăng), cũng có nơi chép tước là Lăng-đức hầu, Vợ là Hồ-thị-Nhơn chị em với Hồ thị Huệ là bà Chaigneau Nguyễn văn Thắng. Sau Lê văn Lăng mất tại Huế năm 1809. Mộ ở Phả tá, nay hãy còn. De Forçant có 3 trai là Cũ, Vinh và Nhỏ.

4) Barisy tức ông Mán, ban đồng-liêu và lại là nhạc phụ Nguyễn văn Thắng Lĩnh chức cai-đội quân tàu Loan-phi, thường phụng mạng đi khắp từ Phi-luật-Tân, Malacca đến Ấn-độ chuyên bán gạo để đổi lấy súng đạn đem về cho chúa Nguyễn. Sau mất tại Huế vào năm 1801.

5) Xem Tri-tân số 13 và số 14.

6) B. E. F. E. O. tome XII, Documents relatifs à l'époque de Gia long par L. Cadière p. 67.

7) B.A.V.H. 1922 Planche LIII Document D.

8) — id — — LXI — L

9) Giá-Viên Biệt-lập của Phạm Phú Thứ quyển Nhị trang 19 và 21.

Hội Bạch-Đẳng giang, nơi chiến-trận

Của nước Nam nhà tự thừa xưa!
Hội Bạch-Đẳng giang, nơi Quốc-Tuấn

Đại phá quân Nguyên cầm ngọn cờ!

Đó là mấy câu trích trong bài «Sóng Bạch-Đẳng», tả trận đại phá quân Nguyên mà thi-sĩ Minh-Tuyên sẽ cao giọng ngâm trong số đặc-san Trần hưng-Đạo...

Trong khi dùng trà, phu-nhân nói quê quán ở Phương-đức, phu-thân là Nguyễn văn-Dũng và mấy người anh em ruột tên là Nguyễn văn Hương, Nguyễn văn Hữu, Nguyễn văn Tăng. Lại hỏi thăm các quan trong sứ-bộ có ai quen biết không..

Đến ngày 25 (7 Oct. 1863), nhân dịp lễ Vạn-tho khánh-tiết, các quan sứ-bộ đặt tiệc long-trọng ở sứ-quán, có cả Nguyễn-văn-Đức (Michel Đức Chaigneau), bà Vannier là Nguyễn-thị Sen, lệnh-lang là Nguyễn-văn-Lễ (51 tuổi, con ông Cấn) và lệnh-ái là Marie tới dự tiệc. Phu-nhân và lệnh-ái đều mặc quốc-phục: Khăn vành giấy và áo thụng gấm. Phu-nhân nói rằng khăn áo đó là do chính tay Hoàng-đế ban cho.

NGUYỄN TRIỆU

Hội Truyền-bá Quốc-ngữ

Nhân vụ khai giảng khóa học thứ bảy (mở ngày 8 Sept). Hội T. B. Q. N. nhận được của bà cụ thân sinh ra ông Đỗ Nhuận một số tiền 100 p. và ông Trần duy Trinh ở Nam định 50 p. để mua giấy bút cho học trò. Hội xin cảm tạ vô-cùng

Trong khóa này, số học trò của Hội tăng lên gấp hai khóa trước mà giá giấy, bút, sách, vở thì càng ngày càng đắt hơn. Hội rất mong được các nhà từ tâm giúp cho, thì công việc của Hội mới chóng có kết quả.

H. T. B. Q. N. lại cáo

Chánh-trị và văn-chương

Cách mệnh Quốc-gia là kết quả sự « phản chủ-nghĩa Lãng-mạn »
(La Révolution Nationale, fruit de l'anti-romantisme)

TRONG báo Opinion 15-9, ông Valcourt có đăng một bài rất thâm-trầm nói về giây liên-lạc mật thiết ràng buộc Chánh-trị vào Văn-chương, và chứng tỏ rằng hiện thời, nền cách mệnh quốc-gia là kết quả sự « Phản chủ-nghĩa Lãng mạn » (anti-romantisme).

Những người tây học, chắc ai cũng biết rằng chủ nghĩa Lãng-Mạn của văn học Pháp, có nhà cự-phách V. Hugo cầm cờ tiên phong, đã nảy-nở sau thời Cách-mệnh 1789, sau cái tối bất hủ đã diễn vở kịch Hernani.

Về đầu thế kỷ XVIII, cái lý tưởng cổ điển đã tàn tạ, lòng người — phái trí-thức — dương khát khao một sự đổi mới và đập đổ những điều tin-tưởng tôn-sùng về thời đại-đề Louis XIV, tuy rằng đã băng từ 1715.

Sự-nghiệp văn chương, muốn biết hay dở, phải trải qua một sự chọn lọc lâu dài của thời gian. Đến sau, cần đi nhắc lại, người ta nghiệm rằng những tác phẩm của phái Lãng mạn không thể ăn đứt phái Cổ-điển, cũng như ở bên Tàu, thời nhà Đường vẫn làm thầy cho các đời sau.

Bởi thế, nên vào hồi trước cuộc chiến tranh 39-40, do danh sĩ Charles Maurras đứng đầu, các nhà văn-bọc đã gây lên một phong-trào « phản Lãng mạn phái », cả đảo phái ấy ở chỗ « quá thiên về tình-cảm ». Khi Maurras, đã nêu rằng thông minh và ý-chí phải đặt lên trên tình cảm, phản đối phái Lãng mạn, là ông muốn bảo tồn nền-nếp cũ, và ông chỉ công nhận về đời vua Louis XIV, các danh nhân đã đạt tới sự tận thiện, tận mỹ về nghệ thuật, Chánh trị và Văn-chương.

Rồi đến văn nhân về phái Maurras đều quả quyết rằng tất cả những tác phẩm viết sau « Đại-thế-kỷ » (tức là thế kỷ XVII, đời Louis XIV) chỉ là một sự đồi bại về tình-

thần, chịu cái ảnh hưởng ác liệt của Đức. Tất cả các văn sĩ về thế kỷ XIX đều là những bệnh nhân từ V. Hugo tới Baudelaire.

Ta thử từ phương diện Văn chương dịch sang phương diện Chánh trị, thì ta có thể quyết rằng tôn chỉ của Maurras cũng là tôn-chỉ của Quốc gia Cách mệnh ngày nay, lấy sự sùng kính những nền nếp cổ hữu, lấy nguồn gốc của Chân lý và Oai quyền về tình thần ở Tổ quốc, Gia đình, chứ không ở cá nhân í-h kỷ và khuấy-rối.

Dưới đây, tôi trích dịch một đoạn, văn của Sainte Beuve từ năm 1858 : « Văn phái Lãng mạn có vẻ lo lắng, xáo sục, hếu kỳ, lạng thang. Văn phái Cổ điển không hề than thở, rên rỉ, buồn rầu; đôi khi có nói đến thống khổ, nhưng vẻ đẹp vẫn dềm tỉnh, đáng phục ».

Ấy, Quốc gia Cách mệnh của nước Pháp đương cần một vẻ đẹp điềm tĩnh, nó là dấu hiệu của sự mạnh khỏe, trật tự, vững vàng. Quốc gia Cách mệnh là kết quả, là đưa con tốt đẹp của phong trào « phản phái Lãng mạn ».

TRÚC DỠNH

Về cuộc thi phóng sự do hội Phúc-thiện tổ chức

Cuộc thi phóng sự do hội Phúc Thiện tổ chức nhân dịp đi thăm các cơ quan bác tế tỉnh Thái bình đã kết liễu.

Các bài dự thi đã chấm xong, do mặt hội đồng có các ông Nguyễn văn Tố trường bác cổ, Ngô bằng Dực ở sở Đốc lý, Lê đức Hoạt, cử nhân tại Tòan, Tôn thất Bình, chủ bút báo Patri Annamite và Dương tự Quan, giám đốc báo Tri Tân, kết quả như sau giải nhất: ông Hà mai Anh, giáo học Nam định, -- giải nhì: ông Lê Xuân Hanoi, -- giải ba: ông Nguyễn văn Luận giáo học Nam định, -- giải tư: ô. Lưu văn Dương, -- giải năm: ông Đỗ đức Phúc

Đến 28 septembre này, hồi 10 giờ sáng, hội sẽ phát thưởng tại hội quán.

Hội Phúc thiện lại cáo

Hắc-hải với xứ Ukraine

TUYÊN - ch ến với Nga-sô-Việt, Đức ôm một mục-đích là chiếm Smolensk để thẳng đường tiến đánh Mạc-tư-Khoa, còn một mặt tấn-công vào Léningrad để chinh-phục các nước bên duyên-hải Baltique.

Sau nhiều trận huyết-ch ến trên các thị-trấn Minsk và Smolensk và sau cuộc tấn-công rất khó khăn vào Léningrad, Đức đem toàn-lực đại tấn-công vào xứ Ukraine là một đồng-bằng rộng rãi miền tây-nam Nga ước 447 000 cây số vuông, có nhiều đồng cỏ tiện cho việc chăn nuôi súc vật.

H ệ n - thời, cuộc chiến - tranh đương hành - trướng tại miền Ukraine. Hai bên Nga, Đức cùng thiệt hại rất nhiều, nhưng Đức và đồng-minh đều thắng lợi. Lúc mới khởi cuộc tấn-công vào miền Ukraine bộ tư-lệnh Đức thông-cáo cho quân-đội nên dè dặt, để giảm sự tàn-phá, mục đích là sau khi xứ Ukraine được giải-phóng, nhân dân đã bị điêu-đứng về nạn chiến-tranh khỏi phải khó nhọc để kiến-thiết lại miền khốn khổ vừa qua trên đồng tro tàn.

Đức vẫn rắp tâm chia rẽ Nam-Nga và Bắc-Nga.

Mưu ấy không phải tới nay mới xuất-hiện. Từ năm 1854, xảy cuộc binh đao trên doi đất Crimée, Đức và Áo kết-liên, nhưng mong chiếm miền Ukraine. Lại thêm một nước thứ ba đồng-ý: Anh, khi ấy, ác-cảm với Nga, muốn đem miền Nam-Nga tặng Áo để thưởng lòng tốt của Áo đối với Anh trong cuộc chiến-tranh Crimée.

Rồi vì gặp nhiều sự khó khăn, việc ấy bị chôn sâu dưới thời-gian, cho đến hồi Âu-ch ến lại xuất-hiện. Trong khi chiến-đấu với đồng-minh, Áo và Đức hết sức bành-

trướng ở miền Nam-Nga cái ý-k ến muốn lập riêng xứ Ukraine làm một nước độc-lập, mục-đích làm giảm thế-lực Nga hoàng.

Năm 1917, tại Pétrograd nổi lên phong-trào cách-mệnh. Một phái-bộ Đức tới Kiew âm-mưu khuyến-khích dân miền Ukraine tổ chức một đội quân quốc-gia. Rồi một nội-các thành-lập hồi juin 1917: Cơ-quan của một Chính-phủ dân-chủ độc-lập tại Ukraine. Nhưng đa-số dân Ukraine không hưởng ứng với cuộc cách-mệnh ấy, nên kết quả không được mỹ-mãn.

Sau khi hòa-ước Brest Litovek ký xong, một đội quân Anh vào chiếm thành Kiew. Nhưng sau cuộc đình-chiến tại mặt trận tây, đội quân ấy phải rút-lui.

Rồi từ đó, Đức vẫn chú ý đến miền Ukraine là « vựa thóc » miền đông-nam nước Nga. Cuộc tấn-công ngày nay của Đức cũng không ra ngoài cái mục-đích tối-cô là tổ-chức một nước Ukraine độc-lập.

Đức nên tìm đường tấn-công qua Hắc-hải vào Crimée và Caucase.

Hắc-hải từ lâu vẫn là miền hẻo-lánh, êm lộng của Âu-châu, chưa từng bị một cuộc chiến-tranh nào làm nổi sóng. Một ít chiến-hạm cũ của Nga qua lại vững vàng không hề phải lo đến nạn giặc bề dưới theo cướp phá. Nếu Đức thắng trận một cách nhanh chóng hơn, chiếm ngay được xứ Ukraine thì vấn-đề Hắc-hải không có quan-hệ gì đến hiện-thời.

Các cường-quốc trong Trục đương tìm đường tấn-công vào miền duyên-hải Ukraine và doi đất Crimée.

Theo hiệp-ước Montreux, miền eo-bè (Détroits) giao cho Thổ cai-quản. Thổ rất vinh-hạnh được cái

ủy-nhiệm ấy, vì đáng nhẽ một thế-kỷ trước Thổ đã được quyền ấy rồi. Để đoạt cái quyền ấy, trước khi cuộc chiến tranh Nga-Đức kết-liên, Bá-linh muốn tìm một phương-pháp êm-dềm khiến Thổ phải nhượng-bộ, không cần phải hỏi ý-k iến Anh.

Có tin bác-sĩ Clodius đương đ ều-đinh với Chính-phủ Ankara để mở eo-bè Dardanelles. Lại có tin Đức-Bảo tập-trung quân-đội tại miền eo-bè Bós, đồng-minh Đức, yêu-ầu Ý chuẩn-cờ Bảo trên các chiến-thuyền Ý, để qua eo-bè Dardanelles và vào Hắc-hải. Bảo lấy cớ là theo hiệp-ước Montreux, chiến-thuyền nước trung-lập có quyền xuất nhập trên Hắc-hải. Mưu ấy không công-h ệu, vì dù Bảo không dự ch ến đánh Nga, Bảo cũng đã giao tranh với Tiệp-khắc và Hy-lạp. Mà Anh không khi nào để một nước khác phạm vào hiệp-ước Montreux. Cho nên, qua eo-bè Dardanelles không phải việc dễ trong khoảng khắc có thể thực hành được.

Vì vậy mà tình-thế miền eo-bè Hắc-hải vẫn nguyên-vẹn, dù theo tin từ Stambul đưa lại, tuần-dương-hạm Nga trên Hắc-hải đã có lệnh rời khỏi Sébastopol, còn ít chiến-thuyền Nga cũng từ-b ệt doi đất Crimée.

Nếu một ngày không xa, mặt b ề Hắc-hải sóng gió âm-âm, ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy v ấn-đề Hắc-hải trở nên quan-trọng trên trường quốc-tế.

Tương-lai sẽ cho ta biết những đ ều cần b ết về cục-diện ..

NHẬT NHAM

Cải-chính

T. T. số 15 — Trang 3, cột 1, dòng 24 và c 2, d. 1: « Qua ha », sửa là « Qua oa »; tr. 5, c. 3, d. 27: « cái khám » sửa là « cái khe n »; tr. 7, c. 3, d. 42: « từ liên », sửa là « từ diên »; tr. 17, c. 1, d. 28: « lên người », sửa là « lên người ».

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc-tế

Đức ép Bảo tuyệt giao với Nga và sửa soạn để dự vào cuộc đánh Crimée sắp tới.

Ở Pháp, vẫn xảy nhiều việc bạo-động. Chính-phủ Pháp cố trừng-trị.

Thủy-quân Mỹ đang lùng bắt một tàu ở Đức ở phía nam Đại-tây-dương.

Bên Nhật hội Đông-á đứng lên phản đối việc Mỹ gửi chiến-cụ qua Vladivostock và hô hào dân Nhật trung-thành với hợp-ước Tam-cường.

Anh định đặt Aga Khan, vua bị ruật ngôi của A-phủ-hân, lên ngôi Ba-tur.

Đức báo hạ được thành Kiew (Nga) Chiến lược của Nga là bỏ miền Ukraine để giữ lấy mạc-tư-khoa, Leningrad và Caucase.

Leningrad vẫn vững. Quân Nga vẫn lợi quanh vùng Smolensk.

Anh phóng-tỏa Djibouti cố ý làm cho dân Pháp đói phải hàng.

Tình hình Viễn-đông càng ngày càng yên.

Thống-chế Pétain đã đi kinh-lý miền Savoie và khuyên dân miền chễm đóng không nên uống nầy, giúp việc trừ bạo-động để khỏi hại cho quốc-gia.

Anh nhường hết các chiến-cụ Mỹ giúp để gửi cho Nga.

Anh, Mỹ, Trung-hoa và Hà-lan chính thức lập một khối Kinh tế gọi là A B C D.

Đông - dương

Trường Khoa-học lập ở Hanoi do sắc lệnh ngày 26 Juillet 1911 sẽ mở trong tháng Octobre 1911.

1) P. C. B. — Việc xin vào học ban P. C. B. vẫn y như thường lệ. Nhưng sẽ xét c c học sinh về sức khỏe trong tháng đầu. Ban này sẽ mở ngày 1er Octobre

2) Các bằng-cấp Cao-đẳng. — Những lớp mở năm 1941-1942 sẽ dạy đề lấy những bằng cấp sau này:

Mathématiques générales, Mathématiques, Physique, Chimie, Sciences, Naturelles.

Những lớp trên sẽ mở vào tháng Octobre, ngày khai giảng sẽ định sau.

Khi nào xét sức khỏe của học sinh trong tháng đầu xong, học sinh sẽ được lấy vào học hẳn.

Một nhà báo Nhật phỏng vấn quan Toàn-quyền Decoux

« Chúng tôi nhận thấy sự khiêu khích về chính-trị và kinh-tế, của phe Anh, Mỹ, Tàu, Ấn-độ Hòa-lan đối với Đông-dương trong mấy tháng gần đây càng tăng lên. Chúng tôi xin được biết ý kiến ngài về việc ấy. »

Quan Toàn-Quyền trả lời: « Phủ Toàn-quyền không thấy có những cuộc khiêu khích riêng đối với Đông-dương trong mấy tháng nay. Nếu có những sự khiêu khích ấy thì phủ Toàn-quyền sẽ thi hành những phương pháp cần thiết theo

hư huấn lệnh của Chánh-phủ Pháp. »

Hỏi: « Hiệp-ước Pháp-Nhật đã thi hành, vậy đối với tương lai kinh-tế của Đông-dương ý kiến ngài như thế nào? »

Trả lời: « Hiệp-ước kinh-tế Pháp-Nhật hiện nay chỉ thi hành một bên thôi, nghĩa là Đông-dương đã cung cấp cho Nhật các thứ hàng hóa đã định trong hiệp-ước.

« Trái lại việc cung cấp hàng hóa Nhật mà Đông-dương cần đang còn chậm và chưa đầy đủ. Khi nào hiệp-ước ấy đã thi hành triệt để mới có thể xét chân giá trị của nó. »

Câu hỏi thứ năm: « Chánh-phủ Nhật sắp phái sang một đại-sứ. Chúng tôi thiết tưởng Saigon phải là trung tâm điểm của tất các sự hoạt động về chính-trị và thương mại. Ngài có ý rời phủ Toàn quyền vào Saigon không? »

Trả lời: « Phủ Toàn quyền không định rời vào Saigon. Cá h tổ chức hiện thời rất hợp với nhu cần trong xứ. »

Câu hỏi thứ sáu: « Chúng tôi nhận thấy Đông dương muốn đi đến một cuộc phá giá tiền tệ, vậy có lẽ ngài đã thi hành những phương pháp cần thiết. Ví dụ có lẽ ngài đã cho in « bông » gọi là bông « phục hưng quốc gia ». »

Trả lời: Ở « Đông-dương không có cuộc phá tiền tệ nếu Chánh - phủ Nhật giữ lời cam đoan về việc trả tiền các hàng hóa mua của Đông-dương. »

Từ kỳ sau, Tri-Tân sẽ bán lẻ 0\$15 một số

Vì giá giấy, mực, và nhân công càng ngày càng cao nên bắt đầu từ kỳ sau, chúng tôi phải định giá bán lẻ mỗi số lên 0\$15, chứ không bán 0\$12 như chúng tôi đã hi-sinh trong 4 tháng qua.

Đối với các bạn mua báo giải hạn, chúng tôi vẫn tính giá cũ nghĩa là vẫn 1 năm: 5\$50 — 6 tháng 2\$80 — 3 tháng 1\$50

ĐẶNG-ĐỨC-SIÊU

(1750 — 1810)

Là người làng Phụng-can, huyện Bồng-sơn, phủ Hoài-nhân, tỉnh Bình-định, ông con nhà lương-thiện, theo phụ-thân ra học tại làng Xước-giụ, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên (Huế).

Ông kết duyên Tần-Tấn với con gái nhà họ Nguyễn, là nàng Nguyễn-thị Ngừ Mười sáu tuổi, ông đỗ Hương-tiến (tức Cử-nhân).

Triều đức Duệ-tôn (1766-1777) ông làm quan trong viện Hàn lâm. Năm Giáp-ngọ (1774), lúc quân nhà Trịnh vào xâm, thì ông lui về ở Long-hồ, dạy học.

Lúc ấy, ông có làm những bài thi nhan đề là: *Thương-sơn tứ-hạo*, *Trương-Lương chùy*, *Tổ-Vô tiết*, *Tự tử Quân*, *Nhạc* đề tỏ chí mình. Ông Trần-nguyễn-Nhưng, quan nhà Trịnh, khen nức nở những áng văn chương kiệt-tác ấy; muốn dùng ông làm quan, nhưng ông tìm có thoái-khước.

Khi Nguyễn-Huệ (1788-1792) đã đuổi quân Trịnh và thu phục Phú-xuân rồi, có vời ông ra làm quan; nhưng ông không muốn giúp, nên cáo bệnh mà từ chối.

Ông học-vấn uyên-thâm, văn-chương tao nhã. Hồi đại-dịnh Bắc-hà xong, ông làm bài *Hồi-loan cứu khúc ca* bằng quốc âm, nay còn truyền tụng. Máy bài văn tế ông Bá-da-Lộc, ông Võ-Tanh và ông Ngô-tòng-Châu đều do tay ông soạn. Lời văn thông thiết, giọng văn hùng hồn, thật là những áng văn chương tuyệt diệu trong nền quốc âm ta. Chẳng những học rộng mà thôi, ông cũng còn lắm mưu mô, nhiều thao lược. Trong mấy năm bình định Tây-

sơn, ông rất có công.

Xin tường-thuật sau đây những huân công của ông.

Đức Thế-tổ ở Gia-định, nghe tiếng ông, vời vào bệ kiến, nhưng lúc bấy giờ đang xá-xa-xôi và khó khăn, nên ông không theo kịp.

Mùa đông năm Mậu-ngọ (1798) ông phải đi đường thủy vào Nam-kỳ. Ông Nguyễn-văn-Nhân đưa ông vào bệ-kiến đức Thế-tổ. Ông bèn dâng mưu kế đánh Tây-sơn. Vua ban khen rằng: « Quả nhân nghe tể tướng khải đã lâu, mà nay khải mới đến! » Đức Thế-tổ giao cho ông chức giám-quân, đề kiêm quản việc binh cả trong ngoài, nhưng ông thoái thác vì ông mới đến, sơ quân sĩ không phục, ông xin giữ chức Hàn-lâm cũ.

Đức Thế-tổ dạy rằng: « Chức Hàn-lâm nhỏ, không xứng với địa-vị trọng yếu của khải » Ngài cho ông làm chức Trung-quân tham-mưu. Từ đó ngày đêm ông chăm lo chức vụ mình. Đức Thế-tổ trọng ông lắm; còn phần ông S.ieu thì cứ cung tặn tụy để đáp ơn tri-ngộ.

Năm Kỷ-vị (1799), ông theo ngài ra đánh thành Qui-nhơn. Danh từ tỉnh Bình-định có từ năm ấy. Ông hiệp với ông Ngô-tùng-Châu, lựa binh, chia làm năm đạo ngự lâm.

Có người tâu lên đức Thế-tổ xin danh thuế thân dân thành Bình-định. Ông Siêu dâng mật sớ tâu rằng: « Trong binh thư có nói: được lòng dân yêu mến thì mau; bị dân ghét thì phải chờ. Xưa các vua hiền làm nhân chính để cứu dân, thì khắp cả nhân

dân thiên hạ ai nấy đều vui lòng qui phục ngay như Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ không có cớ dặt cớ dúi, mà cũng chiêu mộ được hàng vạn binh, trong năm sáu năm trời lập nên nghiệp lớn, không phải là họ tài cán hơn người đâu, chỉ tại lòng dân ghét bỏ họ Trịnh đó thôi. Vả lại, tùy theo cơ hội mà làm, trị dân trong cơn loạn lạc không giống như lúc bình thường. Xưa vua Hán-tôn nhà Đường rất tiết kiệm, ăn mặc khiêm tốn, thế mà khi Nguỵ-Bác không theo vương hóa, ngài phải bỏ của kho ra để chuộc hết những bốn vạn quan tiền. Lại như vua Nghệ-tôn nhà Tống không lạng phí một đồng tiền nào, nhưng khi chuộc lại châu U và châu Yên, ngài cũng chịu bỏ tiền ra hàng triệu. Xứ Qui-nhơn này chịu ba mươi năm loạn lạc, sinh-linh đồ khổ, mong nước thanh bình và khao khát được dâng anh quân ra cứu thế. Xin Bệ-hạ đừng danh thuế thân kéo dân sanh lòng oán.

Từ năm Thái-đức (niên hiệu Nguyễn văn-Nhạc, 1778-1893) đến năm Cảnh-thịnh (niên hiệu Nguyễn quang-Toản, 1793-1802), nhân dân tỉnh Qui-nhơn phải đi lính, nên được miễn thuế thân. Nếu nay Bệ-hạ cứ tính hết nhân-số mà đánh thuế thì chẳng qua thân được ba vạn quan tiền mỗi năm. Nhưng vì cái tiền lợi đó, Bệ-hạ sẽ phải thiệt hại nhiều vì giặc ở trước mặt đó, nhân dân theo gặc dễ như trở bàn tay. Tôi con nhớ chuyện ông Chiêu-võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật lấy được bảy huyện tỉnh Nghệ-an, cai trị bảy năm, dân tỉnh đều cảm phục. Sau vì danh thuế để nuôi binh lính mà nhân dân ta oán. Chúa Trịnh nhân đó mới danh đuổi ông ấy được. Xưa trước đã dở, xe sau phải giữ gìn. Nay Nhà-vua nên tha thuế thân cho nhân-dân,

chỉ tuyển lấy binh lính mà thôi. Lấy quân nhân-nghĩa, thắng lũ hung-tan là đủ »

Tờ sớ của ông dâng lên, đức Thế-tổ lấy làm bằng lòng và bãi bỏ việc bàn đánh thuế.

Năm Canh-thân (1800), thành Qui-nhơn bị vây, ông theo đức Cao-Hoàng đi trốn. Khi thuyền ngự dậu của Phú-yên, quân-sĩ trong thuyền phần nhiều bị đau. Còn cửa Thi-nại có thủy-binh Tây-sơn đông, nên thuyền ngự không tiến được. Đức Cao-Hoàng định cho quân-sĩ lên bộ. Ông Siêu tâu rằng: « Nếu quân lính lên bộ, hên địch nghe biết, chắc đến đánh lấy chiến thuyền ta. Xin Bệ-hạ dụng thủy-chiến vì nay đương mua hè, co gió nồm, ta nhân ban đêm, thuận gió, dùng kế hỏa công, thì chắc được thắng trận ».

Đức Thế-Tổ y theo, rồi sai ông Lê-văn-Duyệt ra đốt thuyền địch, được thắng trận.

Ông Siêu và ông Trần-văn-Trạc tâu vua: « Bèn định dồn binh lính vây thành Bình-định, thì nơi sao huyệt của họ tất là rừng không. Chúng ta thừa hư ra đánh lấy nơi sao huyệt bỏ trống ấy thì vòng vây ở chỗ thành coi này không đánh cũng tự tan được. Vả lại, hạ-than biết rõ địa thế thành Phú-xuân. Xin chia binh làm hai đạo một đạo ra đánh cửa Tư-hiền, một đạo ra đánh cửa Nại hải, chắc là toàn thắng ».

Ông Nguyễn-văn-Thành khen khéo dụng binh và nói ấy là kế « thừa hư ». Lúc đó, ông Võ-Tánh bị vây trong thành Qui-nhơn, cũng xin đức Cao-Hoàng ra lấy thành Phú-xuân. Ngài bằng lòng.

Tháng năm năm Tân dậu (1801), nhà Nguyễn thân phục được thành Phú-xuân và đuổi được quân của Nguyễn-quang-Toản ra Bắc. Lúc này, đức Cao-Hoàng thăng ông Siêu lên giữ Lễ-bộ. Cổ từ không được, ông phải

nhân chức.

Năm Nhâm-tuất (1802), đức Cao-Hoàng định đem binh ra đánh Bắc-thành. Ông Siêu và Trần-văn-Trạc tâu: « Vua Chiêu-thống (1787-1789) nhà Lê bỏn bá qua Tàu, xứ Bắc-hà về tay Tây-sơn, nhà Lê không ai giúp phục nghiệp, thế đủ biết nhà Lê không thể lại dấy lên được nữa. Nay Bệ-hạ lấy đất Bắc-hà, là lấy của Tây-sơn, chứ không lấy của nhà Lê. Vả lại, cử binh làm việc nhân nghĩa, phải có danh-nghĩa mới được. Nếu cứ còn dùng niên-hiệu nhà Lê, e dân gian xứ Bắc-thành cho rằng nhà vua mượn danh-nghĩa phủ Lê mà làm việc. Chi bằng nay Nhà-vua lên ngôi hoàng-đế, đổi lại niên-hiệu, thanh minh nghĩa cả cho thiên hạ biết, thì sự được nước mới là chính đáng, nhân-tâm mới dễ thân phục ». Đức Cao-Hoàng nghe theo, lấy hiệu Gia-long và báo cáo cho thần dân biết. Ngài khôi phục được toàn xứ Bắc-hà và lê-dân đều tùng phục.

Ban đầu các lễ-lễ triều-đình cùng các lễ-nghi tế Giao, tế Miếu, tế Xã-tắc phần nhiều do ông soạn định.

Đức Cao-Hoàng sung nhiệm ông làm.

Năm Gia-long thứ hai (1803), ông được sung làm phụng-sách sứ, khi tôn bà nguyên-phối họ Tống lên ngôi Vương-hậu.

Qua năm thứ tư (1805), ông làm chức phụ đạo Đông-cung. Đức Thánh-tổ Nhân Hoàng-đế (Minh-mạng: 1820-1840) nhờ ông mà thành đăng anh-quân.

Năm Gia-long thứ sáu (1807), ông kiêm chức Khâm-thiên-giám. Cũng năm ấy, ông làm quyền Thiên-nam thế-hệ, là sử chép thế-hệ từ đời Triệu-Tổ (Nguyễn-Kim: 1529-1545) đến đời Hiếu-định (Nguyễn-phúc-Thuần: 1765-1775). Lại truy nguyên lên tận trên từ đời đức Hoàng-quốc-Công,

Trùng-quốc-Công, đề tỏ gốc tích đức Triệu-tổ là ra từ đó. Sau lại chép đến đức Hiếu-Khương đề tỏ đó là hoàng-khảo đức Gia-long. Trong khoảng hơn hai trăm năm, nào thế-hệ, nào công-nghiệp, nào ngày đản (ngày sinh), nào ngày kỵ và phương-hướng các lăng miếu đều ghi chép một cách đầy đủ.

Năm Gia-long thứ tám (1809) có lập ra Lục-bộ. Ông Siêu được làm Lễ-bô thượng-thư.

Năm Gia-long thứ chín (1810), ông mất trong khi đang làm quan, thọ 60 tuổi, được truy-phong chức Tham-chánh Đức Cao-Hoàng có ban gấm vóc để khâm liệm và cất bốn tên phu coi giữ phần mộ ông.

Ông là người học rộng, thích ngâm vịnh, có đức hạng tiết-tháo. Thật là một nhân vật đáng tôn-trọng ở triều Nguyễn. Trong ba chục năm loạn lạc, ông giữ tròn được danh-tiết. Khi trung-hưng, ông coi việc lễ nghi và lo dạy Thái-tử.

Đức Minh-mạng trị vì được sáu năm, nhờ công ơn giáo-hóa, ngài truyền cho bộ Lễ rằng: « Đặng-đức-Siêu là người sĩ quân-tử, vâng lệnh đức Thế-Tổ mà dạy trăm, đáng truy phong Thiệu-sư Hiệp-tá đại-học-sĩ và nên lập đàn tế ông ».

Năm Tự-đức thứ năm (1852), ông được liệt vào miếu Trung Hưng công thần. Phu nhân là bà Nguyễn-thị-Ngũ được đứng vào hàng liệt nữ. Con là Đặng-đức-Thiệm làm Tổng-đốc Hải-dương. Còn anh là Nguyễn-đức-Huy rất sở trường văn thơ quốc âm, làm Đốc-học tỉnh Bình-định, về đầu niên hiệu Gia-long, đến đời Minh-mệnh có được thưởng bạc và đồ tề bạch do nhà vua ban cho các bậc thọ quan (1).

BÙI VĂN-LĂNG

(1) Tài-liệu bài này phần nhiều căn cứ ở sách Đại-Nam chính biên Liệt truyện sơ tập, quyển 10, tờ 3-9.

Tại sao lại gọi là núi Cai-Kinh (thuộc Bắc-giang)?

NHẬT-NHAM

Cai-kinh là một dãy núi thuộc tỉnh Bắc-giang, có nhiều ngọn núi đá cao tới 500 thước tây, khởi từ phía bắc sông Thương, rồi chạy sang địa hạt Lạng-sơn. Núi xếp từng hàng tựa như các bức tường-thành bao-bọc những thung-lũng hẹp và sâu. Dãy núi Cai-kinh chạy từ đông-bắc đến đông-nam, giữa đường có nhiều đoạn khúc-khuỷa đi quanh nhiều khu-vực địa-thể khác nhau. Các khu này bình-thản, có chất phù-sa. Nhờ địa-chất, cây-cối mọc thành rừng, phong-cảnh rất đẹp!

Mặt nam và mặt đông, núi cao bích-lập, trên ngọn cây cối xanh-rì.

Mặt bắc và mặt tây, tuy có nhiều đoạn bình-rằng-cưa, nhưng vẫn kéo dài và liên-tiếp với các đoạn sau, chứ không đứt quãng.

Về phía tây-nam, núi Cai-kinh xòe ra như cái tán, phân ra nhiều chi chạy xuống sông Thương và chi-lưu sông ấy là sông Sỏi.

Cảnh-trí núi Cai-kinh thực là u-nhã. Các nhà du-lịch Pháp đã ví vùng này như phong-cảnh Thụy-sĩ: núi cao cao ngất lưng trời, rừng xanh xanh biếc ngàn mây, tiếng suối reo róc-rách, lòng nước trong veo, lại thêm bọc-bổ trắng phau phau âm-âm từ trên cao đổ xuống!

Những ai lên xứ Lạng, khi xe hỏa qua miền Thanh-muội chắc đã thường-thức cái xảo-diệu của Hóa-công đã an-bài ra một giải núi trùng-trùng điệp điệp.

Ấy chính trong miền sơn-cước này, dưới triều Tự-Đức, hai anh

em Vũ-văn-Kinh và Vũ-văn-Cương từ Thanh-hóa đã di-cư đến làng Thuốc-sơn, châu Hữu-lũng (Bắc-giang), rồi ít lâu nổi tiếng hùng-trưởng, chiếm-cứ một phương. Hai anh em thu-phục thổ-dân rồi làm chủ quyền gồm hai làng Đường-yên và Giàng-thường gọi là quyền Cai-kinh.

Sau Vũ-văn-Kinh làm Cai-tổng, nên gọi là Cai-Kinh. Cai-Kinh, rất nhiều thủ-hạ, lại có đủ dũng-lực, hùng-cứ riêng một sơn-hà. Kể đến em Cai-Kinh làm Cai-tổng tức là Cai-Cương. Cai-Cương cũng rất hào-hùng, không kém gì anh. Một lần vua Tàu cho tải súng đạn sang giúp vua ta. Đoàn áp-tải đi qua quyền Cai-Kinh, bị Cai-Cương đem thủ-hạ ra đánh úp và cướp mất cả. Quân Tàu chồn về Tàu, cáo với quan nhà Thanh. Quan Tàu xin quan ta truy-nã Cai-Cương. Cai-Cương bị bắt giao cho quan Tàu. Quan Tàu bắt trả lại hết súng đạn, tha chết, nhưng cắt hai tai để làm răn.

Kịp đến khi vua Hàm-Nghi đi lánh nạn thì Cai-Kinh đã lập đồn ở Phổ-Toóng (châu Hữu-lũng).

Đoàn hộ-gia từ Lào về tới Văn-bàn, rồi thẳng tiến lên miền Cao-bằng.

Quan quân đóng trong thành Cao-bằng, thấy đại-binh đến gần, tưởng là quân địch, bèn bắn ra một phát đại-bác, nhưng không chết một người nào.

Tôn-thất-Thuyết giận lắm, thúc binh sĩ nhẩy vào trong thành,

bắt trời các quan trong thành, sai chém tất cả.

Vua Hàm-nghi hét lên can-rằng: « Hoàng-thúc không nhớ câu: Quân-trung văn tướng-quân lệnh, bất văn thiên tử chiếu? Một phần lỗi tại hoàng-thúc. Trước mấy hôm, sao hoàng-thúc không hạ chiếu cho chúng biết? »

Vua truyền tha cả. Nhưng bấy giờ đao-phủ đã chém mất quan Tuần-phủ Cao-bằng rồi.

Nhà vua chú-tất ở Cao-bằng mấy hôm, hoàng-thúc Tôn-thất-Thuyết sai rước loan-giá về Phổ-toóng tức là đồn Cai-kinh là một nơi hiểm yếu.

Cai-Kinh tích trữ lương thực rất nhiều, đủ cung tiếp đoàn hộ-gia. Làng Đường-yên sản gạo trâu, bò, lợn, gà nộp cho Cai-Kinh.

Vua Hàm-Nghi đến Phổ-toóng được ít lâu, có thám-tử phi báo: độ 1000 người tây theo đường Bắc-lệ lên đánh.

Vua hội các quan đề bàn phương-pháp đề-phòng. Tất cả các quan triều-thần và các đạo binh thầy đều lo sợ. Sau Cai-Kinh tiến lên, tâu rằng: « Việc này, xin cử Thống-Luận là người đã am-hiễn địa-thể và có đủ dũng-lực »

Tôn-Thất-Thuyết bèn giao cho Thống-Luận 500 quân ra ngoài thành cự địch.

Cai-Kinh bảo Thống-Luận: « Ông đương làm tiểu-tướng mà nhất đản lên cầm quyền chủ-súy, nếu không có sắc-lệnh của Thiên tử thì hiệu lệnh sao được các quan! »

Thống-Luận nghe nhời, trở vào thành tâu vua. Vua cho là phải, bèn ban cho một lá cờ lệnh và một thanh bảo-kiếm.

Thống-Luận lĩnh mệnh, ra ngoài thành bày trận ở Suối-Dọc thuộc địa phận tổng Chi-Quan. Suối này cạn, thành một

con đường độc đạo ở giữa hai bên rừng rậm, núi cao. Thống Luận sai quân dẫn một cây to để nằm ngang suối, còn quân cho mai-phục hai bên.

Sáng hôm sau binh Pháp tới chỗ ấy, mắc cây không đi được, hậu-quân dần dần tụ cả lại.

Lệnh chừng quân Pháp đã kéo hết cả vào trong suối rồi, Thống Luận bèn ra lệnh cho quân bắn bộ hai bên bắn xuống. Trận này binh Pháp vì không am hiểu địa-thế, nên bất lợi.

Vua phong Thống-Luận làm Chánh-Đô-dốc.

Sau lại có thám-tử về báo: ước 5000 quân Pháp do đường Bỏ-hạ kéo đến.

Vua sai Thống-Luận đem 500 quân đi án ngữ ở đồn Khẩn-lâu trên bờ sông Rong.

Thống-Luận sai lấy bao nhồi cát, lấp mạn thượng-lưu con sông ấy lại và vót chông cắm trong bãi cỏ tranh gần đấy. Binh Pháp đi tới thấy nước nông, kéo nhau lội sang cắm trại ở một bãi không khoáng, gác súng nấu nướng ăn uống khi họ ăn uống. Thống-Luận hô quân ra đánh. Binh Pháp trong lúc không đề phòng, bỏ cả lương thực khí giới, chạy vào rừng cỏ tranh, vấp phải chông, bị thương rất nhiều. Đến khi qua sông, bao cát đã lồi lên hết, nên nước mạn thượng lưu kéo về, người ngựa thiệt hại không phải là ít.

Thống-Luận được phong chức Thống-xuất ngũ - quân Đề-dốc.

Vì ở đồn Phố - toóng không được yên ổn, nên sau hai tháng, vua truyền các quan hộ-giá lên Cao-bằng, vào nhờ chúa Bảo-Lạc, song lại sang châu Quy-thuận thuộc tỉnh Quảng-tây bên Tàu.

Ấy cũng nhờ địa-thế hiểm trở, lại nhân đoàn hộ-giá vua Hàm Nghi ẩn tránh ở đồn của Cai Kinh, rồi giao chiến vài trận oanh liệt, mà giải núi trong có quyền của Cai Kinh được nhận cái tên núi Cai Kinh, rồi từ mấy chục năm gần đây, ta vẫn công nhận Cai Kinh là một tên tướng hùng cứ một phương. Nhưng sự thực Cai Kinh chỉ là người cho đoàn hộ giá vua Hàm - Nghi mượn quyền làm sào-huyệt, là người cung cấp quân-nhu, chiến mã cho đoàn hộ-giá trong khi vua ngự tại đó, rồi nhờ mấy trận mà Cai Kinh được tên ghi vào giải núi đá trùng-trùng điệp-diệp của miền Giang - Bắc!

Trong khi thu dụng các thủ hạ, Cai Kinh thường giết bỏ rồi lại dùng con, giết anh rồi lại dùng em, thành ra nuôi ong tay áo, nên bị đẩy tới em dâu (vợ Cai Cương) ám-sát. Khi đó, Cai Cương cũng đã bị thủ-hạ là Đề Cỏn giết chết.

Giòng dõi hai anh em Cai Kinh tới nay không còn người nào.

Duy cái tên Cai Kinh vẫn cùng non sông trường tồn.

NHẬT-NHAM

« THÂN-THẾ VÀ SỰ-NGHIỆP THÔNG - CHẾ PÉTAIN »

của EUI-ĐÌNH-SAN

là một tác-phần rất Lh cho người đọc

GIÁ : 0\$14

Thống-chế PÉTAIN đã nói

Đã nhiều khi ta lấy làm buồn mà nhận ra rằng những ý định của chính-phủ bị một cuộc tuấn truyền nham hiểm làm sai hẳn mất ý nghĩa đi, có khi những sự quyết định đầy công nghiên cứu của chính phủ không sao thành hiệu được, vì một số quá đáng viên chức thừa hành không chịu làm việc, hoặc bất tài không làm nổi, hoặc phản bội. Những sự bất lực đó, sự phản bội đó sẽ bị truy tố và trừng phạt.

Mạnh sử-lưu

Chiến - công một viên quản bị mai-một ngót chục năm trường

Năm Quý-mùi (1883) đời Tự đức thứ 36, một đám giặc cỏ nổi lên đóng ở Thụy-lôi (Phúc-yên), cướp phá các vùng lân cận. Quan Lãnh-binh Bắc-ninh là Cù Thản (người làng Đông-viên, tỉnh Sơn-tây) đem binh đến đánh, ông bị giặc vây hãm rất là nguy hiểm.

Quan Tổng-dốc Bắc-ninh là Trương đăng-Đản lại sai quân cơ là Nguyễn đình-Viễn đem quân sang cứu-viện.

Ông Viễn gàn binh giao chiến, bắn một lúc, giết luôn được 10 tên giặc. Nhờ thế, quân giặc rút lui, giải được vây cho quan lãnh binh. Trong trận này, quân Triều đình lại bắt được nhiều gươm giáo, súng đạn của giặc.

Thế mà quan Tổng-dốc Trương-dăng-Đản và quan Ám sát là Tôn-thất-Loan tỉnh Bắc Ninh làm sớ về kinh chỉ cho là việc nhỏ: « quân ô tiểu thắng thành ra nhà vua không biết đế công lao khó nhọc của quan võ »

Mãi đến tháng giêng đầu niên hiệu Thành thái Kỷ-sử (1889) ông quan Nguyễn đình-Viễn mới được triều đình xét rõ công lao mà cất lên làm tại lãnh lãnh binh đề tùy tòng q an trên đánh giặc Đông-Bắc.

TIỀN ĐÀM

TIÊU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUÂN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 15

GIỮA vòng các tướng có người thưa ;

— Bẩm lệnh bà, lệnh-bà đồng-dối tướng-môn, từ thừa bé đã quen chích-chiến, binh-thu binh-pháp tinh-thông trước kia đã luôn luôn ở ngoài mặt trận với Nguyễn tướng-công, về sau lại cùng chủ-tướng con xông-pha chốn sa-trường, tham mưu nơi màn tướng thì mưu lược, chế biến, lệnh bà còn có thiếu gì ! Vậy xin lệnh bà cứ cất đặt chúng con xin nhất luật tuân hành.

— Không, tôi thiết tưởng nhiều người bàn vào mới này ra chiến-lược hay.

— Bẩm, không ạ, chúng con chỉ quen tuân hành và không quen nghị sự.

— Đã thế, nhưng những chỗ sai-lầm vụng-về của tôi, các ông nhận thấy xin cứ trung cáo ngay cho nhé !

— Bẩm vâng !

— Và, trong quân kỷ-luật phải nghiêm-minh : quân phải theo lệnh tướng, tướng phải theo lệnh chủ-soái, nếu hơi trái, lập tức chém ngay !

— Bẩm vâng !

— Chúng ta cùng nhắm một cái đích cùng theo một chí báo thù vậy trên dưới phải đồng tâm, phải hiểu nhau, phải nghe nhau, phải biết tuân thượng lệnh, tôi tin thế nào cũng được hả lòng. Giờ xanh không phụ những người vì nghĩa !

— Dạ !

— Và bây giờ tôi cất định công-việc của các ông ngày mai.

— Dạ !

Rồi Bạch-y-nương cất đặt từng người một theo cái ý định của nàng đã sẵn trong óc từ trước và ân-cần dặn dò khuyến mẫn các tướng nhất tâm thi hành cho đúng mệnh-lệnh của nàng.

Ngày hôm sau, đội chiến thuyền tiên phong tiến lên sông Nguyệt-Quyết qua Kẽm-Trống đến đóng ở Bồng-Lạng để đón quân Phan Ngạn. Bạch-y-nương cho làm ít người rơm ấu mặc quần áo đàn bà để lên trên năm chiếc thuyền ván lớn dương buồm và kéo cờ phất phới đứng đợi ở đấy. Những thuyền ấy có giây buộc với các thuyền sau.

Quả nhiên vừa sáng sớm, Phan Ngạn vì tức giận những lời trong thơ khiêu khích của Bạch-y-Nương và, hơn nữa, muốn cướp sống ngay được nàng, nên đã thân dẫn quân tiên phong thẳng tiến, qua sông Châu-câu xuống đánh quân sĩ của Bạch-y-Nương được tin báo giặc sắp đến liền giã năm chiếc thuyền binh nhân ra giữa sông thành hàng chữ nhất. Quân Phan-Ngạn tiến gần. Đàng này khua chiêng trống lù lù tiến. Bên địch dương cung bắn một lượt. Đội tiên phong, bên này không nhúc nhích không bắn lại. Một lượt bắn nữa. Đỡ vài lá cờ. Một cái thuyền đắm. Rồi những thuyền kia kéo nhau chạy rất nhanh.

Thấy quân địch thua chạy bên Phan-Ngạn vừa đuổi vừa bắn. Chạy qua Kẽm-Trống thì quân phục ở hai bên ủa ra bắn. Phan Ngạn truyền quân-sĩ đáp lại. Một lúc thấy bên kia im và người cũng biến đâu mất. Phan-Ngạn khắp khối mừng thầm

tin là quân kia sợ hãi chạy trốn liền thúc quân tiến gấp. Nhưng đội chiến thuyền kia đã chạy xa. Phan Ngạn cho quân cố đuổi qua sông Thanh-Quyết, vào sông Hoàng-giang Tức thì từ phía quân phục đổ ra ở trên bờ bắn xuống. Bạch-y-nương thân đem chiến thuyền ra giữa sông nghênh địch. Cuộc đánh nhau rất gay go. Quân Phan-Ngạn bị hãm vào tử-địa. Hậu quân bị ngăn lại ở Kẽm-Trống không tiến được. Bạch-y-nương một tay cầm cung rình bắn Phan-Ngạn, một tay phất cờ khuyến khích quân sĩ ; ai nấy đều nức lòng cố đánh. Phan-Ngạn liền chết cho thuyền tả sung hữu đội để tìm đường thoát thân. Nhưng không tài nào lặn được, bị một tên đạn trúng đầu ngã lặn xuống sông chết ngay. Tàn quân rối loạn, kẻ chạy thoát được không kể, còn đều xin hàng cả.

Bạch-y-Nương ra lệnh khua chiêng thu quân về, và sai đi vớt xác Phan Ngạn. Cáo thuyền bỏ đi tìm hồi lâu, đến mãi cửa sông Gián-khâu mới thấy và lôi lên thuyền đem về trình Bạch-y-nương.

Chiều hôm ấy, nàng cho giết trâu bò khao quân sĩ. Các tướng đều tỏ vẻ vui mừng đã báo thù cho chủ tướng, và càng thêm thân phục Bạch-y-Nương mưu trí dị thường đã bày kế lừa được Phan-Ngạn. Người ta bàn tán rất nhiều về cái mưu kế ấy. Nhân đó, có người hỏi nàng rằng :

— Thừa lệnh bà lệnh bà có tin Phan-Ngạn đến đánh và mắc mưu không ?

Nàng tức cười giả nhời :

— Tôi tin lắm chứ !

— Vì lẽ gì mà lệnh bà cả tin vậy ! Ngộ Phan-Ngạn không đến, hoặc đến mà không mắc mưu, hay bắn không đến lối sông Châu-Gang mà đi lối cửa Đại-An vào thì làm thế nào ?

Nàng lại càng vui vẻ tự-hào đáp :

— Thế là các ông chỉ nhận về địa-thế mà không xét về lòng người. Tôi tin Phan-Ngạn thế nào cũng đến. Một là vì hắn là một tay tướng trẻ đương hăng hái tự kiêu ; và từ trước đến giờ hắn chưa bị

thua mấy khi, nên rất dễ tức tở; vì lời khiêu-khích của ta yết thì phao truyền từ hôm qua. Hai nữa vì một lẽ khác muốn gặp toi, nên hẳn cần phải đến. Hẳn đã đến tất phải đi tới sông Châu-cầu vừa gần hơn vừa xa hậu quân ta hơn. Vì nếu hẳn đi lối Đại-An vào cửa Gan-khẩu, tất gặp ngay toàn đội quân ta, sự công phá cơ phàn kho kho, kẻ làm tương gỏi không bao giờ dai dột mà đi như vậy.

Nay ta đã biết hẳn thế nào cũng đến mà đến thì tất do lối sông Châu rồi, vậy có sao hẳn lại mắc mưu? Tôi xin giảng đề các ông nghe rõ: Phan Ngạn là một người hiếu thắng, hẳn vừa đến thấy một toán quân ta tuyền là con gái thì tướng có toi ở đấy nên ra lệnh hẳn ngay. Hai quân vừa giao chiến, bên ta đã bỏ chạy, hẳn cho ta là nhút nhát, nên ra sức đuổi. Đến Kẽm-Trống, quân phục của ta chỉ bắn sơ một lượt rồi chạy trốn cả, lại làm tang thêm chỉ kiêu căng của hẳn lên. Ta làm cho hẳn lết ten và loi hẳn vào tử địa thì làm gì mà hẳn chẳng chết! Chung quy, hẳn bị ta bắn chết là vì hẳn tự kiêu-ngạo quá, hẳn chỉ ham hờ muốn bắt sống ngay được toi!

Nàng nói xong, các tướng tỏ lời

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỰC của ông Trần-trọng-Kim Gia Op 80.

Ban ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

khâm phục tài xét-đoán của nàng. Một viên tướng trẻ nhất trong bọn đứng lên xin phép hỏi:

— Xin lệnh bà tha tội, con hỏi khi đường đột, lúc nầy lệnh bà vừa nói Phan-Ngạn vì một lẽ khác hẳn muốn gặp lệnh-bà ngay, vậy cái lẽ khác ấy là lẽ gì, xin lệnh-bà rộng lượng cho chúng con được biết thì hay lắm. Vì nếu không có cái lẽ khác ấy mà gặp cái lúc tương tự như thế này, liệu chúng con ở vào địa vị được cầm quân, thì có thể cứ làm theo kế hoạch của lệnh bà được không?

Bạch-y nương buồn rầu nói:

— Về những kế hoạch trong việc cầm quân thì ít khi bắt chước được. Cái tài xét đoán, chế biến là ở người tướng, chứ không thể phỏng theo bất cứ một kế thuật nào. Nhưng các ông muốn biết, tôi cũng không giấu làm gì. Và đã nhiều lần tôi muốn nói rõ với các anh em đây, nhưng nói ra luống những đau lòng, nên ngập ngừng lại thôi. Lần này nhan ông đã hỏi, tôi còn nỡ nào giấu nữa. Cái lẽ khác ấy rất thường. Nó là Phan-Ngạn mê sắc tôi mà cần đến gặp tôi. Ấy cũng tại mê tôi mà hẳn đang tâm giết phu-quân tôi! Vậy là vì tôi mà phu-quân tôi thiệt mạng! Cái số tôi thật là tai hại! Tôi đã làm phu-quân tôi phải gặp bao nỗi truân chuyên! Các ông đã biết chúng tôi đang ở Mạc phải bỏ về Lê chứ gì? Nguyên nhân ra sao phu-quân tôi bấy giờ đã nói rõ rồi. Nhưng cái nguyên nhân chính thì cũng tại tôi. Hồi ấy, Mạc Mậu-Hợp chực giết chồng tôi để chiếm lấy tôi, sau khi bắt ép tôi không được. Chúng tôi bắt buộc phải bỏ về Lê. Cho đến bây giờ Phan-Ngạn lại cũng có ý thế. Chúng tôi không ngờ, nên mới đến nỗi này! Thật thán tôi đã làm hại phu-quân tôi! Cho nên tôi cần phải báo thù. Nay thù kia đã giải rồi, Các ông đã trọn bổn-phận đối với chủ-tướng. Các ông thật là những người đáng khen phục nhất đời, được Gôi Phật giúp đỡ cho mọi sự may mắn! Còn tôi tuy thù chồng đã báo, nhưng cái nghĩa thề chửi đền cho

Đức Trần-Hưng-Đạo, một tay cái-thế anh-hùng, sẽ sống lại với chúng ta trong một số đặc-sau của báo TRI-TÂN.

Đã là gia-dình Việt-Nam, nhà nào cũng nên có để được biết những trang lịch-sử vẻ vang của nước nhà.

trọn, nên mai đây tôi sẽ theo phu-quân tôi. Tôi xin thành thật cảm tạ các ông và có mấy nhời tâm huyết cuối cùng khuyên các ông: các ông đều có gia-dình vợ con, hưởng thụ còn nhều, vậy sau ngày hôm nay, các ông nên theo về giúp vua Lê mà giữ lấy danh-mạnh một đời!

Trong tướng có người nói:

— Bẩm lệnh-bà, chúng con bổn phận cảm-kích về những nhời lệnh-bà vừa dạy. Nhưng chúng con xin phép lệnh-bà được trình thưa đôi điều: Nay chủ-tướng chúng con chẳng may đã thiệt phận trận tiền, lệnh-bà đã báo thù được oanh-lệ, tiếng tăm lệnh-bà còn ghi đề nghìn thu, ai cũng phải kính phục? Như thế là danh-nhĩa vẹn toàn, cần gì mà phải cố chấp? Vả, còn hai lệnh công-tử tuổi bầy trẻ đại, lệnh-bà nên vui lòng gượng sầu làm vui để chỉ bảo hai lệnh công-tử, và làm trụ cột xuất chúng con, chúng con xin cam kết ở dưới cội cờ hầu hạ lệnh-bà mãi mãi.

(Kỳ sau đăng trọn)

Còn một kỳ nữa, hết « BẢ-QUẬN-MỸ » Tri-Tân sẽ đăng tiếp một tập tiểu-thuyết mới rất ly-kỳ, rất linh-động, đủ cả tình, h ếu, t ết, nghĩa, với bao cảnh éo le, bao nỗi vui, buồn, khiến cho người đã đọc phải say-sưa đọc mãi và đôi phen hồi hộp cảm, thương, mến, tiếc...

Các bạn nhớ đón coi...

Cần phải truyền-bá khoa-học...

Tiếp theo trang 2

Như trên đã nói, học khoa-học bằng sách tây, « ơn riêng » ấy chỉ những người nào may-mắn mới được hưởng. Còn đối với đại đa số, khoa-học vẫn là nơi cấm-địa mà họ không được « bén mảng » bao giờ !

Việc cần nhất bây giờ : ta phải có các sách khoa-học bằng quốc-văn từ sơ-đẳng cho đến cao-cấp, từ phổ-thông cho tới chuyên-khoa. Nếu ta nay không bảo nhau bắt tay làm dần thì còn đợi đến bao giờ nữa ?

Chậm tiến như Trung-Hoa, thế mà về mặt văn-hóa, họ cũng hơn ta nhiều lắm. Các sách về các khoa-học, không thứ nào họ không có sách bằng Hán-văn hoặc dịch-h, hoặc viết. Chứng-cớ ấy ta thấy sờ-sờ ngay trên những trang « *Đồ-thư mục-lục* » của các nhà xuất-bản lớn bên Tàu, nhất là của nhà *Thương-vụ ấn-thư quán*.

Việt-ngữ của ta nay đã phong-phú rồi, và tôi tin, theo thời-gian, nó sẽ lại càng tiến, càng giàu hơn nữa. Vậy, ta sao lại chịu kém người Tàu mà thiếu sách khoa-học bằng quốc-văn ?



Nhưng, công việc làm sách ấy, trông vào những ai bây giờ ? Tất nhiên phải trông vào những nhà tân-học uyên-thâm, những tay chuyên-môn trong các nhánh khoa-học.

Nếu các ngài chịu dè mắ đến tương-lai của quốc-gia, tất phải vui-vẻ, mạnh-bạc gánh lấy trọng-trách « tiên-tri giác hậu tri » ấy.

Ngay từ giờ trở đi, cứ mỗi một nhánh khoa-học, lại có một

nhóm những nhà chuyên-môn đứng lên, lấy quốc-văn làm lợi-khí, hoặc làm hoặc dịch các sách khoa-học. Kẻ góp công, người góp của, đông mây, tây sao, thì trong rằm năm trời, cái

Góp vui

Chết vì miếng xương !

TRƯỜNG-Giang tiên-sinh, một hôm, lê gậy trúc, đến chơi nhà Thường-nhân-Tử, đẩy cửa ngõ vào qua sân, lên tiếng không thấy ai thừa. Trông vào trong nhà, qua bức màn treo ngoài hiên, thấy Thường-nhân-tử hình như thiu-thiu ngủ. Trường-giang tiên-sinh nói : « Việc thiên-hạ đang như tơ rối ! Nước Vũ-hồn đánh nước Têu-liên. Nước Xương-gang giúp nước Vũ-hồn. Nước Bạch-my phản nước Têu-liên. Ấy, thiên-hạ đang loạn như thế mà tiên-sinh ngồi yên, ngủ yên được ! »

Thường-nhân-tử vịn cột, lom-khom đứng dậy nói : « Không, đệ có ngủ đâu ! Đệ buồn vì việc một con chó què, và một con chó chết. Nguyên hôm qua, chuyết-nội đi chợ về có mua được vài món bất thời, đệ cao hứng uống mấy chén rượu. Con Bông, con Vện ngồi dưới đất. Hai con xua tay vẫy tỏ vẻ quyến-luyến nhau, không cần nhau. Đệ vút cho cái xương, con Bông đứng dậy đón lấy. Con Vện bỗng chồm lên tranh, nhe bộ răng nanh gừ gừ mấy tiếng. Đệ chưa kịp gọi người ra ngăn, thì Vện đã cắn què một chân Bông rồi, Vện ăn xong, đắc chí, nằm dài ra, hai chân trước ruỗi thẳng, đầu ép xuống đất, thủyn-thoảng ve-vầy cái đuôi.

« Đệ đang băn khoăn về thái-trạng hai con chó thì bỗng thấy Vện ngửng đầu lên đánh hơi, rồi đứng dậy đi ra phía ngõ. Đệ nhón

kho sách khoa-học Việt-nam quyết có thể phong-phủ được.

Nhược bằng không ai chịu hi-sinh, cứ đồ tại tiếng nam chưa đủ, đồ tại sách khó tiêu-thụ, đồ tại thiếu người, thiếu tiền, thì tôi tưởng, dù nghìn năm nữa, vấn-đề này cũng không giải-quyết nổi !

HOA-BẮNG

theo, thấy một con chó cái nhà ai đi qua. Chung quanh, một đàn chó đực : con thì sun soe chạy đi trước, con thì dài mõm, lê đuôi, đánh hơi theo sau. Con thì loanh-quanh thủyn-thoảng đụng vào con chó cái, rồi vòng chạy xa ra ; vài con khác đuổi theo. Con Vện đương ở trong sân, vừa sủa, vừa nhảy xổ ra. Cả đàn chó cùng ủa lại, sủa vang lên, rồi cắn nhau. Đệ trông hoa mắt ! Một lúc sau, thấy Vện nằm rẫy dưới đất, tiếng kêu àng-àng dần dần bé đi.

« Mấy con chó kia chốc chốc lại cắn cho một miếng rồi mới đi ! »

« Thế cho nên, từ hôm qua, đệ buồn ».

Trường-giang tiên-sinh nghe xong, cũng ngậm ngùi nói : « Đệ bản tâm hôm nay sang chơi, định nói chuyện thiên-hạ đề tiên-sinh nghe, nhưng bây giờ có nói nữa cũng là chuyện thừa ! »

Thường-nhân-tử thở dài ngậm mấy câu :

*Bông, Vện cùng nhà vốn yêu-đương,
Bông đánh nhau què, vì miếng
xương !*

*Vện ăn rồi chưa biết đủ,
Chưa biết đủ đi lang-thang,
Đi lang thang gặp con chó cái,
Chó đực : con theo, con chặn
đường !*

*Vện xông ra tranh, bị cắn chết.
Con què, con chết, lòng ta thương !*

SƠN-MAI

Lần này chắc đèn lượt
ngài trúng số độc đắc
NGÀI NÊN MUA 1 VÉ
SỐ ĐÔNG-PHÁP

TỔNG PHÁT HÀNH
RƯỢU CHÔI BẮC-KỲ

Các bà sinh nở dùng rượu
chôi Bắc-kỳ, trừ được
các chứng sản hậu,
tê thấp v. v.
Tốt và rẻ
liền.

ĐÔNG - DƯƠNG THƯƠNG - CỤC
Tổng đại biểu
Kỹ nghệ sản phẩm nội hóa
155, Rue du Colon - Hanoi

**KHẮP CỎI
ĐÔNG - PHÁP**

Chỉ máy Sư tử

Đủ các mùi. Bền, rẻ
và các hàng tơ lụa, vải vóc, các
thứ đồ sùng, mây, cối v. v.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán
hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một
hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-
Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một
hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được,
mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p 20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như
thường. thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giới. Thuoc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ / Hai câu sấm này, ngày nay quả
thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp
0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống
thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu
đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. Chi nhánh 88 Phố Huế, Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.